

MỤC LỤC

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	2
1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Việt Bắc	2
1.1.1. Kết quả đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Việt Bắc.....	3
1.1.2. Khảo sát nhu cầu đào tạo.....	4
1.1.3. Hệ thống tổ chức đào tạo.....	6
1.2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo Luật trình độ Đại học.....	6
PHẦN II: TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO LUẬT	11
1.1. Giới thiệu về năng lực của cơ sở đào tạo	11
1.1.1 Khoa trực tiếp quản lý ngành đào tạo Luật	11
1.1.2. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy ngành Luật.....	11
1.1.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo ngành Luật	17
1.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.....	52
1.2.1. Nghiên cứu khoa học	52
1.2.2. Hợp tác quốc tế.....	53
1.2.3. Các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và quan hệ quốc tế.....	54
PHẦN III: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT	57
I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	57
A. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	57
1. Căn cứ xây dựng.....	57
1.1. Các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và về mở ngành đào tạo	57
1.2. Các văn bản pháp quy và định hướng phát triển Trường Đại học Việt Bắc.....	58
2. Giới thiệu chương trình	59
B. NỘI DUNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	59
1. Mục tiêu.....	59
1.1. Mục tiêu chung.....	59
1.2. Mục tiêu cụ thể	60
2. Chuẩn đầu ra.....	62
3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:	64
3.1. Thời gian đào tạo và khối kiến thức	64
3.2. Cấu trúc các khối kiến thức của chương trình giáo dục	64
4. Đối tượng tuyển sinh	65
5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	65
6. Cách thức đánh giá	65
6.1. Cách thức đánh giá chung toàn khóa.....	65
6.2. Cách thức đánh giá học phần.....	65

7. Nội dung chương trình:	67
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương.....	67
7.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	73
8. Kế hoạch giảng dạy	82
9. Mô tả tóm tắt nội dung học phần.....	85
9.1. Kiến thức giáo dục đại cương.....	85
9.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	95
9.3. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp	112
10. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	114
10.1. Khoa Luật	114
10.2. Tổ chức và phương pháp dạy học.....	116
10.3. Làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học tích lũy kiến thức tốt nghiệp	116
10.4. Các bộ phận chức năng khác	117
10.5. Công nhận tốt nghiệp.....	117
10.6. Điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình đào tạo	117
II. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN.....	Error! Bookmark not defined.
1. Triết học Mác-Lênin	Err
or! Bookmark not defined.	
2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Err
or! Bookmark not defined.	
3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	Err
or! Bookmark not defined.	
4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Err
or! Bookmark not defined.	
5. Tư tưởng Hồ Chí Minh	Err
or! Bookmark not defined.	
6. Tiếng Anh cơ bản 1	Err
or! Bookmark not defined.	
7. Tiếng Anh cơ bản 2	Err
or! Bookmark not defined.	

8. Tiếng Anh chuyên ngành
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

9. Tin học đại cương
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

10. Môi trường và phát triển bền vững
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

11. Logic học
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

12. Khoa học quản lý đại cương
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

13. Xã hội học đại cương
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

14. Phương pháp nghiên cứu khoa học
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

15. Tâm lý học đại cương
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

16. Cơ sở văn hóa Việt Nam
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

17. Lý luận Nhà nước và pháp luật
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

18. Lịch sử nhà nước và pháp luật
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

19. Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

20. Luật Hiến pháp Việt Nam
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

21. Luật hành chính
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

22. Luật dân sự
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

23. Luật tố tụng dân sự
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

24. Luật hình sự
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

25. Luật tố tụng hình sự
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

26. Luật hôn nhân và gia đình
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

27. Luật quốc tế
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

28. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng dân sự
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

29. Kỹ năng tư vấn pháp luật
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

30. Luật doanh nghiệp
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

31. Luật kinh tế
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

32. Luật lao động
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

33. Luật môi trường
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

34. Luật chứng khoán
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

35. Luật thương mại
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

36. Luật đất đai
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

37. Luật tài chính
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

38. Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

39. Luật ngân hàng
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

40. Luật kinh doanh bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

41. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp và thủ tục đầu tư
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

42. Phá sản và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

43. Luật thuê
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

44. Luật giao dịch điện tử
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

45. Luật an sinh xã hội
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

46. Luật sở hữu trí tuệ
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

47. Pháp luật kinh doanh bất động sản
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

48. Thực tập tốt nghiệp
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

49. Khóa luận tốt nghiệp
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

50. Chuyên đề Dân sự nâng cao
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

51. Chuyên đề Kinh tế nâng cao
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

52. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

53. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

54. Giáo dục Thể chất
..... **Err**

or! Bookmark not defined.

PHẦN I.
SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH
ĐÀO TẠO

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 08 năm 2020

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngành : Luật
Mã số : 7380101
Trình độ đào tạo : Đại học
Loại hình đào tạo : Chính quy

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trường Đại học Việt Bắc kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo Đề án mở ngành đào tạo Luật trình độ đại học.

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Việt Bắc

Trường Đại học Việt Bắc được thành lập theo Quyết định số 1341/QĐ-TTg, ngày 5/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Trụ sở chính của Trường tại xã Đồng Bầm, thành phố Thái Nguyên. Hiện nay, Trường có 5 khoa chuyên môn gồm: Khoa Khoa học cơ bản; Khoa Điện - Điện tử - Công nghệ thông tin; Khoa Cơ khí; Khoa Kinh tế; Khoa Ngoại ngữ. Ngoài ra, Trường còn có một số trung tâm khác, hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội; Trung tâm Đào tạo và Hợp tác quốc tế; Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học.

Để quản lý, điều hành và giảng dạy các ngành đào tạo trên, Trường Đại học Việt Bắc có hệ thống các bộ môn trực thuộc các khoa như sau: Khoa Khoa học cơ bản gồm các bộ môn: Bộ môn Toán, Bộ môn Vật lý, Bộ môn Hoá học, Bộ môn Chính trị, Bộ môn Giáo dục thể chất và Quốc phòng; Khoa Kỹ thuật Cơ khí gồm các bộ môn: Bộ môn Kỹ thuật Cơ khí, Bộ môn Chế tạo máy, Bộ môn Kỹ thuật Ô tô; Khoa Kỹ thuật Điện - Điện tử - Công nghệ thông tin gồm các bộ môn: Bộ môn Kỹ thuật Điện, Bộ môn kỹ thuật Điện tử và Bộ môn Công nghệ thông tin; Khoa Kinh tế gồm các bộ môn: Bộ môn Kế toán, Bộ môn Quản trị kinh doanh, Bộ môn Kinh tế và Quản lý; Khoa Ngoại ngữ gồm các bộ môn: Bộ môn Tiếng Hàn, Bộ môn Tiếng Anh và Bộ môn Tiếng Việt.

Đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên của Trường (bao gồm giảng viên cơ hữu, thỉnh giảng) đã được Tổ thẩm định Đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục năm 2018 xác định đủ điều kiện đảm bảo chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiện tại, nhà trường có 118 giảng viên cơ hữu, trong đó có 02 giáo sư, 11 phó giáo

su, 17 tiến sĩ, 70 thạc sĩ. Ngoài ra, Trường còn kí hợp đồng với hơn 30 giảng viên thỉnh giảng là giảng viên của các trường đại học của Đại học Thái Nguyên.

Nhà trường đã tổ chức tuyển sinh và đào tạo 07 khóa với khoảng 2704 sinh viên đại học; trong đó có hơn 100 là sinh viên người nước ngoài. Trường đã có 267 sinh viên tốt nghiệp (cả Liên thông và Đại học chính quy) trong đó có 133 sinh viên đại học chính quy tốt nghiệp.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh Thái Nguyên nói riêng và cho đất nước nói chung, Trường Đại học Việt Bắc đã và đang không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, gắn liền đào tạo lý thuyết với thực hành, đáp ứng các đòi hỏi vị trí việc làm của các doanh nghiệp và nhu cầu nhân lực của các ngành kinh tế xã hội của đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ là một trong những nhiệm vụ chính và được ưu tiên hàng đầu của Nhà trường.

Trường chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ định kỳ trên cơ sở hướng dẫn của các cấp quản lý, đẩy mạnh và tăng cường các mối liên kết hợp tác nghiên cứu khoa học giữ Nhà trường và các đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước. Nguồn kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học ngày càng tăng, thể hiện sự quan tâm của Nhà trường và sự năng động, tích cực của đội ngũ giảng viên, các nhà nghiên cứu. Việc đăng tải các công trình nghiên cứu luôn được quan tâm khuyến khích.

Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường luôn tuân thủ đúng quy định của Nhà nước. Tuy mới thành lập nhưng Nhà trường đã có những bước đầu chủ động thiết lập quan hệ, ký kết hợp tác với nhiều đối tác nước ngoài. Nhà trường đã xây dựng quy định, quy trình hợp tác quốc tế nhằm làm cơ sở pháp lý cho các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện đúng quy định của Nhà nước.

1.1.1. Kết quả đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Việt Bắc

Sau gần 10 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Việt Bắc đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở các ngành đào tạo trình độ đại học như sau:

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	TRÌNH ĐỘ	LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO
1	Kỹ thuật Cơ khí	Đại học	Chính quy
2	Kỹ thuật Điện	Đại học	Chính quy
3	Công nghệ thông tin	Đại học	Chính quy
4	Truyền thông và Mạng máy tính	Đại học	Chính quy
5	Kế toán	Đại học	Chính quy
6	Quản trị kinh doanh	Đại học	Chính quy
7	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Đại học	Chính quy
8	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Chính quy

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

Trường cũng được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo 02 ngành thạc sĩ là:
Kỹ thuật Cơ khí và Kỹ thuật điện

Trong gần 10 năm qua, Trường Đại học Việt Bắc đã tuyển sinh và đào tạo cho khoảng 2704 sinh viên ở tất cả các ngành, các bậc.

1.1.2. Khảo sát nhu cầu đào tạo

Trường Đại học Việt Bắc đã tiến hành khảo sát, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực ngành Luật tại các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp tư nhân, nhân viên, sinh viên mới tốt nghiệp ngành Luật tại một số Trường. Trong tổng số 217 phiếu khảo sát thu về và đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, kết quả cho thấy:

- Về khu vực cơ quan công tác

STT	Khu vực cơ quan	Số phiếu	Tỉ lệ (%)
1	Khu vực nhà nước	114	52,5
2	Khu vực tư nhân	103	47,5

- Về lĩnh vực ngành nghề đang làm

STT	Khu vực cơ quan	Số phiếu	Tỉ lệ (%)
1.	Tổng công ty Gang thép Thái Nguyên	11	5,07
2.	Công ty TNHH Thuận Phát	12	5,53
3.	Trường Cao đẳng Công thương Thái Nguyên	12	5,53
4.	Trường Cao đẳng Việt - Đức	10	4,61
5.	Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên	8	3,69
6.	THPT Chuyên Thái Nguyên	12	5,53
7.	THPT Lương Ngọc Quyến	15	6,91
8.	Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Thành Long	8	3,69
9.	Công ty CP Hoàng Thái	7	3,23
10.	Viện kinh tế và Du lịch vùng Đông Bắc	10	4,61
11.	Trung tâm Tư vấn Chính sách và Pháp luật	20	9,22
12.	Văn phòng Luật sư Dương Tuấn Giang và cộng sự	13	5,99
13.	Văn phòng Luật sư Thái Dương	12	5,53
14.	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ	8	3,69
15.	Viện Y Dược học cổ truyền Thái Nguyên	6	2,76
16.	Văn phòng Công chứng Trung Thành	10	4,61
17.	Trường Đại học Khoa học Thái Nguyên	8	3,69
18.	Các văn phòng công chứng - dịch thuật tại Thái Nguyên	13	5,99
19.	Tổng công ty Gang thép Thái Nguyên	11	5,07
20.	Công ty TNHH Thuận Phát	12	5,53
	Tổng cộng	217	100

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

- Về độ tuổi

STT	Độ tuổi	Số phiếu	Tỉ lệ (%)
1	Dưới 30 tuổi	170	78,3
2	Từ 30 đến 40 tuổi	27	12,4
3	Từ 40 tuổi trở lên	20	9,2
	Tổng cộng	217	100

Độ tuổi trẻ của người được hỏi cho thấy lực lượng cán bộ đông đảo trẻ và tiềm năng. Điều này dự báo nhu cầu cao về nguồn nhân lực ngành Luật được đào tạo bài bản tại các khu vực công tác thuộc nhà nước và tư nhân tại Thái Nguyên và đây là cơ sở để Đại học Việt Bắc xin mở ngành Luật trình độ đại học, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận.

- Về số lượng có nhu cầu học đại học ngành Luật trong 5 năm tới tại 20 đơn vị như sau:

TT	Tên đơn vị được khảo sát	Tỉnh	Số lượng có nhu cầu	Ghi chú
1.	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	Thái Nguyên	02	
2.	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	Thái Nguyên	05	
3.	Tổng công ty Gang thép Thái Nguyên	Thái Nguyên	05	
4.	Công ty TNHH Thuận Phát	Thái Nguyên	05	
5.	Trường Cao đẳng Công thương Thái Nguyên	Thái Nguyên	05	
6.	Trường Cao đẳng Việt - Đức	Thái Nguyên	05	
7.	Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên	Thái Nguyên	05	
8.	THPT Chuyên Thái Nguyên	Thái Nguyên	06	
9.	THPT Lương Ngọc Quyến	Thái Nguyên	07	
10.	Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Thành Long	Thái Nguyên	04	
11.	Công ty CP Hoàng Thái	Thái Nguyên	05	
12.	Viện kinh tế và Du lịch vùng Đông Bắc	Thái Nguyên	10	
13.	Trung tâm Tư vấn Chính sách và Pháp luật	Thái Nguyên	10	
14.	Văn phòng Luật sư Dương Tuấn Giang và cộng sự	Thái Nguyên	10	
15.	Văn phòng Luật sư Thái Dương	Thái Nguyên	10	
16.	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ	Thái Nguyên	12	
17.	Viện Y Dược học cổ truyền Thái Nguyên	Thái Nguyên	10	
18.	Văn phòng Công chứng Trung Thành	Thái Nguyên	12	
19.	Trường Đại học Khoa học Thái Nguyên	Thái Nguyên	12	

20.	Các văn phòng công chứng - dịch thuật tại Thái Nguyên	Thái Nguyên	23	
Tổng cộng			163	

1.1.3. Hệ thống tổ chức đào tạo

Hệ thống Khoa đào tạo

Trải qua gần 10 năm hình thành và phát triển, đến nay Trường Đại học Việt Bắc đã thành lập 5 Khoa:

- Khoa học cơ bản;
- Khoa Điện - Điện tử - Công nghệ thông tin;
- Khoa Cơ khí;
- Khoa Kinh tế;
- Khoa Ngoại ngữ.

Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo 8 ngành trình độ đại học, gồm: Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Điện - Điện tử, Công nghệ thông tin, Truyền thông và Mạng máy tính, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Anh.

Trường cũng được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo 02 ngành thạc sĩ là: Kỹ thuật cơ khí và Kỹ thuật điện.

Định hướng phát triển của Trường Đại học Việt Bắc trong năm 2020 và các năm tới là sẽ mở thêm các mã ngành đào tạo mới thuộc các lĩnh vực ngành phù hợp với xu thế phát triển của xã hội như: Luật, Báo chí, Du lịch, Sức khỏe, Xuất nhập khẩu, Kinh tế đối ngoại, tài nguyên môi trường... nhằm phục vụ cho nhu cầu nhân lực của tỉnh Thái Nguyên và cả nước.

Các Phòng, Ban, Trung tâm đào tạo

- Ban Giám hiệu;
- Hội đồng Khoa học - Đào tạo;
- Phòng Tổng hợp;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học - Quan hệ quốc tế;
- Phòng Công tác Học sinh sinh viên;
- Phòng Thanh tra - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng Giáo dục;
- Trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội;
- Trung tâm Đào tạo và Hợp tác quốc tế.
- Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

1.2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo Luật trình độ Đại học

1.2.1. Nghị quyết số 37/NQ-TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị đánh giá tổng quan về tình hình kinh tế - xã hội, tiềm năng và định hướng phát triển của tỉnh Thái Nguyên và vùng trung du, miền núi Bắc Bộ nêu rõ: “Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được trong thời kỳ đổi mới, tỉnh Thái Nguyên nói riêng và vùng trung du, miền

núi Bắc Bộ nói chung vẫn là vùng còn nhiều khó khăn, yếu kém, kinh tế chậm phát triển, đến nay vẫn là vùng nghèo nhất trong cả nước”. Có nhiều nguyên nhân của tình hình nêu trên, trong đó có một nguyên nhân quan trọng đã được chỉ rõ trong Nghị quyết của Đảng là trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế; đội ngũ cán bộ chủ chốt chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Chính vì vậy trong Nghị quyết số 37/NQ-TW, Bộ Chính trị đã nhấn mạnh “phải đặc biệt coi trọng việc nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là cán bộ dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; khẩn trương mở rộng đào tạo, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo của một số trường đại học hiện có trong vùng, củng cố và mở thêm các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các cơ sở dạy nghề”.

Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên và của các tỉnh khác trong vùng trong những năm tới và quan điểm chỉ đạo của Đảng thì nhu cầu đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực và đội ngũ cán bộ có chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh trong vùng là rất lớn. Mặt khác, do kết quả của công cuộc đổi mới và những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của bản thân các địa phương trong vùng cũng như do sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, vai trò ngày càng nổi bật của kinh tế tri thức trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất cũng khuyến khích và lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân thuộc mọi thành phần kinh tế và các lĩnh vực công tác khác nhau tích cực học tập để nâng cao kiến thức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đạt chất lượng và hiệu quả công việc ngày càng cao, điều đó làm cho nhu cầu được học tập, bồi dưỡng (trong đó có cả nhu cầu học tập ở trình độ đại học và sau đại học) tăng lên rất nhiều. Đây là xu thế tích cực, phù hợp với quan điểm của Đảng ta về xây dựng xã hội học tập. Thực tế tình hình tuyển sinh và đào tạo ở Đại học Thái Nguyên trong những năm vừa qua cũng minh chứng cho xu thế này: hàng năm đều có trên dưới 70.000 người dự thi đại học để tuyển chọn vào học hệ chính quy tại các trường thuộc Đại học Thái Nguyên, nhưng do những hạn chế của các trường về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất, Đại học Thái Nguyên hàng năm chỉ có thể tuyển chọn được trên dưới 10.000 người vào học. Số lượng người có nguyện vọng và nhu cầu học đại học, cao đẳng vẫn còn rất lớn.

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong giai đoạn hiện nay, nhìn chung chất lượng, hiệu quả và khả năng đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu, nguyện vọng được học tập của nhân dân các dân tộc trong vùng (nhất là học tập ở các bậc học cao: đại học và sau đại học) còn hạn chế.

1.2.2. Việc mở ngành đào tạo Luật là phù hợp với Sứ mạng, điều kiện và định hướng phát triển của Trường Đại học Việt Bắc

+ Việc mở ngành đào tạo Luật phù hợp với Sứ mạng của Trường Đại học Việt Bắc được nêu trong Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Việt Bắc là: "Trường Đại học Việt Bắc là trường đại học tư thục đa ngành, hoạt động không vì lợi nhuận, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, triển khai nghiên cứu khoa

học và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực trung du và miền núi phía Bắc và cả nước."

+ Trường Đại học Việt Bắc lập Đề án xin mở ngành đào tạo Luật ở bậc đại học phù hợp với các quy hoạch phát triển Trường Đại học Việt Bắc, bao gồm: "Quy hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn đến năm 2030" ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHV B ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc và "Quy hoạch phát triển trung hạn của Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013 - 2018" ban hành theo Quyết định số 14/QĐ-ĐHV B ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc.

1.2.3. Theo tinh thần Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, Việt Nam tiếp tục chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, trong đó hội nhập kinh tế quốc tế giữ vai trò trọng tâm. Khi nền kinh tế nước ta hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, các doanh nghiệp trong nước sẽ đứng trước nhiều cơ hội và thách thức mới, lúc này đòi hỏi các doanh nghiệp phải có những bước chuyển mình mạnh mẽ. Trong đó, việc nắm rõ “bộ khung” pháp luật là một trong những yếu tố quan trọng tạo ra lợi thế cạnh tranh lành mạnh. Muốn làm được điều đó, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có đội ngũ chuyên gia pháp lý, luật sư chuyên ngành về Luật kinh tế để tư vấn đường lối chính sách cho doanh nghiệp, giúp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp diễn ra thuận lợi. Vì vậy, trong khi nhân lực các ngành kinh tế - tài chính đang có nguy cơ khủng hoảng thừa thì nhân lực ngành luật và cán bộ Tư pháp lại được dự báo là sẽ có nhu cầu cao trong nhiều năm tới. Theo báo cáo của Trung tâm dự báo nguồn nhân lực, chỉ tính riêng các chức danh tư pháp, từ nay đến năm 2020, cần phát triển hệ thống cơ sở đào tạo luật để có đủ sức đào tạo ước tính 13.000 luật sư, 2.300 thẩm phán, 2.000 công chứng viên, 3.000 chấp hành viên, 300 thẩm tra viên thi hành án dân sự và thừa phát lại... (hiện cả nước có khoảng 6.000 luật sư, 5.000 thẩm phán, 4.000 điều tra viên, 400 công chứng viên). Đó là chưa kể nhu cầu cán bộ pháp luật ở các Bộ, ngành, địa phương.

So với nhu cầu hiện tại, thì nguồn nhân lực nhóm ngành luật vừa thiếu về số lượng và cả chất lượng.

Có thể nói nước ta đang có nhu cầu rất lớn về cán bộ pháp luật. Sinh viên theo học ngành Luật kinh tế, ngoài cơ hội làm việc trong các cơ quan pháp luật của nhà nước, cơ hội trở thành các chuyên gia pháp lý cho các công ty, tập đoàn trong nước và doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam là rất lớn. Với những cơ hội việc làm vô cùng rộng mở, sinh viên tốt nghiệp ngành Luật không bị bó hẹp trong phạm vi các cơ quan tư pháp, lập pháp, hành pháp (như Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan công an...) mà còn có nhiều cơ hội thử sức tại các công ty, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ với vai trò là người tư vấn pháp luật. Các khối cơ quan hành chính nhà nước như: Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đại biểu Quốc hội, Ủy ban nhân dân... hay các trường học, các Viện nghiên cứu, văn phòng Luật sư, phòng công chứng... đều “khát” nhân lực

chất lượng cao ngành Luật. Theo khảo sát, có tới 80% sinh viên ra trường đáp ứng được các nhu cầu đó.

Do đó vấn đề phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt nhân lực có chất lượng cao đang là thách thức đối với Luật Việt Nam trước yêu cầu của tình hình mới. Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là khi Việt Nam trở thành thành viên tổ chức Thương mại thế giới WTO, việc hiểu biết về luật pháp trong và ngoài nước có ý nghĩa hết sức to lớn đối với sự phát triển của bất cứ doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nào. Do đó, nhu cầu nguồn lao động chất lượng cao trong ngành Luật nói chung có kiến thức về luật học, có kỹ năng chuyên sâu về kinh tế, đủ khả năng nghiên cứu, xử lý những vấn đề pháp lý đặt ra trong hoạt động kinh doanh và quản lý nhà nước, quan hệ, hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài là vấn đề vô cùng quan trọng nằm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Nhà nước.

Để có nguồn nhân lực chuyên nghiệp đòi hỏi một chiến lược phát triển con người chi tiết và có sự liên kết giữa nhà đào tạo, Nhà nước và doanh nghiệp.

Hiện nay, tại Việt Nam, hai trung tâm đào tạo nhân lực ngành luật lớn nhất cả nước là: Đại học Luật Hà Nội và Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Qua nhiều năm xây dựng và phát triển, đến nay cả hai cơ sở đào tạo đã đào tạo được hàng vạn cán bộ pháp lý, cử nhân Luật cho cả nước. Hơn 70% cán bộ tư pháp trong cả nước do Đại học Luật Hà Nội và Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh đào tạo. Xét trên nhu cầu nguồn nhân lực của đất nước, đặc biệt là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế sâu rộng thì nguồn nhân lực trong ngành Luật hiện nay vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội cả về số lượng và chất lượng.

Vì vậy, việc Trường Đại học Việt Bắc xây dựng đề án đào tạo trình độ đại học ngành Luật cho sinh viên Việt Nam là cần thiết nhằm góp phần đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực Luật cho tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh trong khu vực miền núi phía Bắc, vùng sâu, vùng xa của Tổ quốc.

PHẦN II: TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

PHẦN II: TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO LUẬT

1.1. Giới thiệu về năng lực của cơ sở đào tạo

1.1.1 Khoa trực tiếp quản lý ngành đào tạo Luật

Khoa quản lý trực tiếp ngành đào tạo Luật là **Khoa Luật** của Trường Đại học Việt Bắc.

- Khoa Luật được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHVB ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc.

- Chức năng và nhiệm vụ của Khoa Luật được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Việt Bắc ban hành theo Quyết định số 03/QĐ-ĐHVB ngày 08 tháng 3 năm 2015 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Trưởng khoa Luật: TS. Nguyễn Văn Quý.

Tham gia giảng dạy ngành Luật, ngoài số giảng viên của khoa Luật, còn có các giảng viên dạy các môn khoa học cơ bản, cơ sở và chuyên môn ở Khoa Cơ bản và các khoa chuyên môn khác.

1.1.2. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy ngành Luật

Đội ngũ giảng viên hiện nay đủ đáp ứng cho giảng dạy các ngành đào tạo hiện có của Nhà trường, đồng thời giảng dạy được cho tất cả các môn học, đặc biệt các môn cơ sở và chuyên ngành của ngành Luật.

Cụ thể:

- Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy trực tiếp ngành Luật được thống kê trong bảng 1.

Bảng 1: Danh sách giáo viên tham gia giảng dạy trực tiếp ngành Luật

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh (GS, PGS, GVC, GV...)	Chuyên môn được đào tạo
1	2	3	4	5	6	7
1.	Nguyễn Văn Quý	Nam	17/01/1949	TS	GV	Luật

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh (GS, PGS, GVC, GV...)	Chuyên môn được đào tạo
2.	Nguyễn Thùy Giang	Nữ	31/01/1976	ThS	GV	Luật
3.	Lưu Huyền Ngọc	Nữ	26/10/1992	ThS	GV	Luật
4.	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Nữ	11/2/1989	ThS	GV	Thạc sĩ Sử học CN Luật học
5.	Bùi Văn Lương	Nam	12/5/1955	ThS	GV	Luật
6.	Lương Hữu Phước	Nam	01/3/1976	ThS	GV	Luật
7.	Hoàng Anh	Nam	10/4/1986	ThS	GV	Luật
8.	Quản Thị Hằng	Nữ	29/10/1991	ThS	GV	Luật
9.	Hoàng Thị Thu Trang	Nữ	16/5/1990	ThS	GV	Luật
10.	Phạm Ngọc Thắng	Nam	10/2/1976	ThS	GV	Luật
11.	Phạm Thị Quỳnh Trang	Nữ	28/5/1991	ThS	GV	Luật
12.	Nguyễn Thị Tiệp	Nữ	08/4/1986	ThS	GV	Luật
13.	Nguyễn Thị Hồng Nga	Nữ	08/6/1984	ThS	GV	Luật kinh tế
14.	Trần Xuân Tùng	Nam	07/10/1990	ThS	GV	ThS Chính sách công, CN Luật học
15.	Nguyễn Hằng Phương	Nữ	22/10/1956	PGS. TS	GVC	Ngữ văn
16.	Đào Thị Vân	Nữ	24/01/1957	TS	GV	Lý luận Ngôn ngữ
17.	Nguyễn Hữu Chinh	Nam	25/04/1972	ThS	GV	Quản trị kinh doanh
18.	Trần Thị Thu Trang	Nữ	08/02/1992	ThS	GV	Quản trị kinh doanh

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh (GS, PGS, GVC, GV...)	Chuyên môn được đào tạo
19.	Lê Thị Hồng Hương	Nữ	11/03/1987	ThS	GV	Tiếng Anh
20.	Nguyễn Tiến Trục	Nam	02/02/1957	ThS	GV	Khoa học xã hội nhân văn
21.	Ôn Ngũ Minh	Nam	24/05/1956	ThS	GVC	Khoa học
22.	Nguyễn Trường Kháng	Nam	14/03/1951	ThS	GVC	KHXH&NV
23.	Ngô Thịnh	Nam	21/10/1945	ThS	GV	KHXH&NV
24.	Vũ Châu Hoàn	Nam	16/05/1955	ThS	GVC	KHXH&NV
25.	Nguyễn Thị Canh	Nam	25/05/1955	TS	GVC	Lịch sử-Lịch sử TG cận hiện đại
26.	Ma Thị Ngần	Nữ	30/09/1990	ThS	GV	Giáo dục thể chất - GD quốc phòng

- Phân công giáo viên giảng dạy theo từng môn học và từng học kỳ được thể hiện trong bảng 2.

Bảng 2. Danh sách phân công giảng viên giảng dạy các học phần của CTĐT ngành Luật

STT	HỌC KỲ/HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG VIÊN	Cơ hữu/ Thỉnh giảng
	Học kì I	15		
1	Triết học Mác - Lê nin	3	ThS Nguyễn Trường Kháng	Cơ hữu
2	Tiếng Anh 1	4	ThS. Lê Thị Hồng Hương	Cơ hữu
3	Tin học đại cương	3	ThS. Ngô Quốc Việt	Cơ hữu
4	Lý luận Nhà nước và pháp luật	3	ThS. Bùi Thị Ánh Nguyệt	Cơ hữu

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

5	Giáo dục thể chất 1	C	ThS. Ma Thị Ngân	Cơ hữu
	<i>Tự chọn</i>	2/6		
6	Xã hội học đại cương	2	PGS.TS Nguyễn Hằng Phương	Cơ hữu
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	TS. Nguyễn Văn Quý	Cơ hữu
8	Tâm lý học đại cương	2	TS. Đào Thị Vân	Cơ hữu
Tổng số TC (chưa tính Giáo dục thể chất)		15		
Học kì II		18		
1	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	ThS. Vũ Châu Hoàn	Cơ hữu
2	Tiếng Anh 2	4	ThS. Lê Thị Hồng Hương	Cơ hữu
3	Môi trường và phát triển bền vững	3	TS. Nguyễn Thị Canh	Cơ hữu
4	Logic học	3	ThS. Nguyễn Tiến Trục	Cơ hữu
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	PGS.TS Nguyễn Hằng Phương	Cơ hữu
6	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	3	ThS. Bùi Thị Ánh Nguyệt	Cơ hữu
7	Giáo dục thể chất 2	C	ThS. Ma Thị Ngân	Cơ hữu
Tổng số TC (chưa tính Giáo dục thể chất)		18		
Học kì III		17		
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	ThS. Nguyễn Trường Kháng	Cơ hữu
2	Tiếng Anh chuyên ngành	4	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	Thỉnh giảng
3	Khoa học quản lý đại cương	3	ThS Nguyễn Hữu Chinh	Cơ hữu
4	Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại	2	TS. Lưu Bình Dương	Thỉnh giảng
5	Luật Hiến pháp Việt Nam	3	ThS. Phạm Ngọc Thắng	Cơ hữu
6	Luật hành chính	3	ThS. Nguyễn Thị Tiệp	Cơ hữu
Học kì IV		16		
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	ThS. Vũ Châu Hoàn	Cơ hữu
2	Luật dân sự	3	ThS. Lưu Huyền Ngọc	Cơ hữu

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

3	Luật hình sự	3	ThS. Bùi Văn Lương	Cơ hữu
4	Luật doanh nghiệp	3	Ths. Nguyễn Thị Hồng Nga	Cơ hữu
5	Luật kinh tế	3	TS. Nguyễn Văn Quý	Cơ hữu
	<i>Tự chọn</i>	2/6		
6	Luật kinh doanh bảo hiểm	2	ThS. Phạm Ngọc Thắng	Cơ hữu
7	Thủ tục đăng ký doanh nghiệp và thủ tục đầu tư	2	Ths. Nguyễn Thị Hồng Nga	Cơ hữu
8	Luật giao dịch điện tử	2	ThS. Hoàng Thị Thu Trang	Cơ hữu
Tổng số tín chỉ		16		
Học kì V		16		
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	ThS. Ngô Thịnh	Cơ hữu
2	Luật tố tụng dân sự	3	ThS. Lưu Huyền Ngọc	Cơ hữu
3	Luật tố tụng hình sự	3	ThS. Bùi Văn Lương	Cơ hữu
4	Kỹ năng đàm phán soạn thảo và ký kết hợp đồng dân sự	2	ThS. Hoàng Thị Thu Trang	Cơ hữu
5	Luật lao động	3	ThS. Quán Thị Hằng	Cơ hữu
6	Luật môi trường	3	ThS. Lương Hữu Phước	Cơ hữu
7	Giáo dục quốc phòng	C	Trung tâm GDQP Đại học Thái Nguyên	
Tổng số TC (chưa tính Giáo dục quốc phòng)		16		
Học kì VI		15		
1	Luật hôn nhân và gia đình	2	ThS. Hoàng Anh	Cơ hữu
2	Luật quốc tế	3	ThS. Lương Hữu Phước	Cơ hữu
3	Luật chứng khoán	2	ThS. Nguyễn Thị Tiệp	Cơ hữu
4	Luật thương mại	3	PGS.TS Phùng Trung Tập	Thỉnh giảng
5	Luật đất đai	3	ThS. Nguyễn Thị Tiệp	Cơ hữu
	<i>Tự chọn</i>	2/4		
6	Luật thuế	2	TS. Nguyễn Minh Oanh	Thỉnh giảng

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

7	Phá sản và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh	2	Ths. Nguyễn Thị Hồng Nga	Cơ hữu
Tổng số TC		15		
Học kì VII		14		
1	Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	TS. Nguyễn Mạnh Cường	Thỉnh giảng
2	Luật tài chính	3	Ths. Nguyễn Thùy Giang	Cơ hữu
3	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng	2	ThS. Trần Xuân Tùng	Cơ hữu
4	Luật ngân hàng	2	ThS. Quán Thị Hằng	Cơ hữu
	<i>Tự chọn</i>	<i>4/6</i>		
5	Luật an sinh xã hội	2	ThS. Hoàng Anh	Cơ hữu
6	Luật sở hữu trí tuệ	2	ThS. Phạm Thị Quỳnh Trang	Cơ hữu
7	Pháp luật kinh doanh bất động sản	2	ThS. Quán Thị Hằng	Cơ hữu
Tổng số TC		16		
Học kì VIII		14		
1	Thực tập tốt nghiệp	6		
2	Khóa luận tốt nghiệp	8		
	<i>Học phần thay thế KLTN</i>	<i>8</i>		
3	Chuyên đề Dân sự nâng cao	4	ThS. Lưu Huyền Ngọc	Cơ hữu
4	Chuyên đề Kinh tế nâng cao	4	ThS. Nguyễn Thùy Giang	Cơ hữu
Tổng số TC		14		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không kể các môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)		125		

Bảng 3. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu phục vụ ngành Luật

Số TT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ,	Phụ trách PTN, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần/môn học nào
-------	---------------------	---------------------------------	--------------------------	--

		năm tốt nghiệp		trong chương trình đào tạo
1.	ThS. Ngô Quốc Việt	Thạc sĩ, Việt Nam,	Công nghệ thông tin	- Tin học - Kỹ năng soạn thảo văn bản
2.	ThS. Ôn Ngụ Minh	Thạc sĩ, Việt Nam,	Công nghệ thông tin	- Tin học - Kỹ năng soạn thảo văn bản

1.1.3. Cơ sở vật chất phụ vụ đào tạo ngành Luật

Trường Đại học Việt Bắc có diện tích đất 36,8 ha đã đền bù và giải phóng mặt bằng. Hiện nay, Nhà trường đã hoàn thành xây dựng các khu nhà giảng đường, nhà điều hành, ký túc xá, các phòng thí nghiệm, xưởng thực tập, khuôn viên, đường giao thông nội bộ, cảnh quan môi trường.

Cơ sở vật chất của Nhà trường đang đủ đáp ứng đào tạo cho các ngành hiện có và ngành Luật với quy mô 3.500 sinh viên. Hiện nay quy mô sinh viên của Trường mới có hơn 2.000 sinh viên.

1.1.3.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy**Bảng 4: Lớp học, giảng đường và trang thiết bị dạy học**

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học 100 chỗ ngồi	14	90	Bàn ghế Xuân Hòa - Máy chiếu đa năng - Màn chiếu - Máy tính	400 01 08 08	Các giờ học lý thuyết, thảo luận, bài tập
2	Hội trường, 200	4	150	Bàn ghế	500	Các giờ lý

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

	chỗ ngồi			Xuân Hòa - Máy chiếu đa năng - Màn chiếu - Máy tính - Loa, âm li	05 05 bộ 05 bộ 05 bộ	thuyết, thảo luận, seminar
3	Phòng học ngoại ngữ 20 chỗ ngồi	4	40m ² x4	- Máy gi âm; - Loa đài; - Ti vi; - Máy chiếu; - Màn chiếu; - Máy tính kết nối Internet; - Bàn ghế	01 bộ 01 bộ 01 bộ 01 bộ 01 bộ 01 bộ 20 bộ	Các giờ dạy ngoại ngữ
4	Phòng máy tính	2	250	- Máy chiếu đa năng (Projecter) - Máy tính - bàn ghế	02 bộ 50 bộ 50 bộ	- Tin học cơ sở, - Học và kiểm tra ngoại ngữ online

1.1.3.2. Thư viện, sách và tài liệu tham khảo

a) Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 300 m²
- Số phòng đọc: 02; Số chỗ ngồi : 100.
- Số đầu sách, giáo trình: 5.000 ; Số cuốn: 15.000;
- Phòng Thư viện điện tử: 1; số lượng máy tính phục vụ: 40.

Thư viện Trường Đại học Việt Bắc được trang bị hệ thống phần mềm quản lí thư viện chuyên nghiệp.

Ngoài sách trên giá của Thư viện trường Đại học Việt Bắc, Thư viện điện tử Đại học Việt Bắc có đầy đủ các sách và tài liệu tham khảo, chuyên khảo phục vụ cho tất cả các ngành đào tạo của Nhà trường.

Thư viện điện tử đã kết nối với Trung tâm học liệu của Đại học Thái Nguyên. Ngoài ra, Thư viện của trường còn được nối kết với các thư viện của các trường đại

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

học thành viên của Đại học Thái Nguyên, với Thư viện Quốc gia và nhiều trường đại học khác trong và ngoài nước phục vụ tốt cho việc tra cứu và khai thác tài liệu cho giảng viên, cán bộ và sinh viên trong toàn trường.

Trường Đại học Việt Bắc nằm kề với Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Việt Bắc và Đại học Thái Nguyên đã ký kết văn bản trong việc sử dụng và khai thác dữ liệu của Trung tâm học liệu, Đại học Thái Nguyên; ký kết Hợp đồng sử dụng, khai thác sách và dữ liệu học liệu với Trung tâm Học liệu của Đại học Thái Nguyên (Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên được tổ chức NGO tài trợ với mục đích là Trung tâm học liệu cho tất cả các trường đại học và cao đẳng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên). Theo các văn bản hợp tác này, giáo viên và sinh viên của Trường Đại học Việt Bắc có thể làm thẻ thư viện để sử dụng và khai thác các tài liệu, sách giáo khoa, giáo trình và các học liệu điện tử như sinh viên của Đại học Thái Nguyên (Các văn bản hợp tác này có trong phần Phụ lục của Đề án)

b) Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí của các ngành đào tạo

+ Danh mục giáo trình dùng chung cho các ngành đào tạo trong trường

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
1	7B706	Đại số đại cương	Nguyễn Tiến Quang	NXBGD	2009	10	Toán
2	7K108	Đại số đại cương	Hoàng Xuân Sinh	NXBGD	2010	10	Toán
3	7K150	Bài tập đại số đại cương	Bùi Huy Hiền	NXBGD	2009	25	Toán
4	7K370	Bài tập đại số tuyến tính	Hoàng Xuân Sinh - Trần Phương Dung	NXBGD	2010	5	Toán
5	7K460	Bài tập giải tích hàm	Nguyễn Xuân Liêm	NXBGD	2009	25	Toán
6	7K495	Bài tập hình học cao cấp	Nguyễn Mộng Hy	NXBGD	2010	15	Toán
7	7K607	Bài tập Phương trình vi phân	Nguyễn Thế Hoàn - Trần	NXBGD	2009	45	Toán

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
			Văn Nhung				
8	7K522	Biến đổi tích phân	GS.TSKH Đặng Đình An - TS Trần Lưu Cường - TS Huỳnh Bá Luân - TS Nguyễn Văn Nhân - TS Phạm Hoàng Quân	NXBGD	2009	35	Toán
9	7B760	BT Tin học đại cương	Tô Văn Nam	NXBGD	2010	35	Tin học Đại cương
10	7K603	BT tin học đại cương TurboPascal	Tô Văn Nam	NXBGD	2009	5	Tin học Đại cương
11	7K177	BT Toán cao cấp T1	Nguyễn Đình Trí (chủ biên) Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh	NXBGD	2010	5	Toán
12	7K281	BT Toán cao cấp T2	GS.TS Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh	NXBGD	2010	35	Toán
13	7K282	BT Toán cao cấp T3	GS.TS Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh	NXBGD	2010	35	Toán

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
14	7K375	Cơ sở phương trình vi phân và lí thuyết ổn định	Nguyễn Thế Hoàn - Phạm Phú	NXBGD	2010	5	Toán
15	7G073	Giáo trình quốc phòng - an ninh dùng cho các trường đại học, cao đẳng T1	Bộ GD - ĐT - Bộ quốc phòng (Đào Huy Hiệp- Nguyễn Mạnh Hưởng - Lưu Ngọc Khải - Nguyễn Hoàng Minh - Trần Đại Nghĩa - Trần Đăng Thanh - Vũ Hoàng Tạo - Đỗ Xuân Tảo - Hoàng Khắc Thông - Lê Doãn Thuật - Tạ Ngọc Vãng - Nguyễn Từ Vượng - Nguyễn Trọng Xuân)	NXBGD	2010	35	Giáo dục Quốc phòng
16	7G074	Giáo trình quốc phòng - an ninh dùng cho các trường đại học, cao đẳng T2	Bộ GD - ĐT - Bộ quốc phòng (Nguyễn Tiến Hải - Nguyễn Hữu Hào - Phan Tân Hưng - Nguyễn Đình Lưu - Nguyễn	NXBGD	2010	5	Giáo dục Quốc phòng

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
			Thanh Nghi - Nguyễn Văn Quý - Lê Đình Thi)				
17	7K471	Giải tích số	Nguyễn Minh Chương (Chủ biên) - Khuất Văn Ninh - Nguyễn Văn Tuấn - Nguyễn Tường	NXBGD	2009	5	Toán
18	7K182	Giải tích T1	Nguyễn Xuân Liêm	NXBGD	2010	5	Toán
19	7K280	Giải tích T2	Nguyễn Xuân Liêm	NXBGD	2010	5	Toán
20	7L234	GT Pháp luật đại cương	TS Nguyễn Thị Thanh Thủy (chủ biên) - Ths Đào Thu Hà - Ths Đỗ Kim Hoàng - TS Nguyễn Vũ Hoàng - Ths Nguyễn Hữu Mạnh - Ths Đinh Hoài Nam - PGS.TS Trần Văn Nam - TS Nguyễn Hợp Toàn - PGS Nguyễn Hữu	NXBGD	2010	5	Pháp luật đại cương

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
			Viện				
21	7B759	GT Tin học đại cương	Tô Văn Nam	NXBGD	2010	35	Tin học Đại cương
22	8N448	Tiếng Anh cơ sở Tập 1	Trần Văn Phước (chủ biên)	NXBGD	2009	10	Tiếng Anh
23	8N472	Tiếng Anh cơ sở Tập 2	Trần Văn Phước (chủ biên)	NXBGD	2010	10	Tiếng Anh
24	7K075	Toán cao cấp T1	GS.TS Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh	NXBGD	2010	10	Toán
25	7K076	Toán cao cấp T2	GS.TS Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh	NXBGD	2010	10	Toán
26	7K077	Toán cao cấp T3	GS.TS Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh	NXBGD	2010	10	Toán
27	7B705	Toán rời rạc ứng dụng trong tin học	Đỗ Đức Giáo	NXBGD	2009	10	Toán
28	7X420	TransLAWtion : theory and practice (Dịch	Hoàng Văn Vân	NXBGD	2006	10	Tiếng Anh

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
		thuật : lý luận và thực tiễn)					
29	7X407	Triết học Mác-Lênin-BT thực hành	Nguyễn Đăng Quang	NXBCT	2008	35	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa M-LN
30		Giáo trình đạo đức học	Học viện chính trị quốc gia HCM (Khoa triết học)	NXBCT	2006	10	Đạo đức học
31		Giáo trình kinh tế học chính trị Mác-Lênin	Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác -Lênin, Tư tưởng HCM	NXBCT	2008	5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa M-LN
32		Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Tái bản có sửa chữa, bổ sung)	Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác -Lênin, Tư tưởng HCM	NXBCT	2008	5	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
33		Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (Tái bản có sửa chữa, bổ sung)	Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác -Lênin, Tư tưởng HCM	NXBCT	2008	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh
34		Giáo trình triết học Mác-Lênin	Hội đồng TW chỉ đạo biên	NXBCT	2008	5	Những nguyên lý cơ

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
			soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác -Lênin, Tư tưởng HCM				bản của chủ nghĩa M-LN
35		Hướng dẫn ôn thi môn triết học Mác-Lênin	TS Kim Ngọc Đại	NXBCT	2008	5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa M-LN
36		Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Nguyễn Đăng Bình, Nguyễn Văn Dự			10	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học
37		900 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T1	Joshua Kirkman (dịch Nguyễn Thành Yển)			55	Tiếng Anh
38		900 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T1 (CD 1 x 5 bo)				25	Tiếng Anh
39		901 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T2	Joshua Kirkman (dịch Nguyễn Thành Yển)			25	Tiếng Anh
40		901 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T2 (CD 1 x 5 bo)				5	Tiếng Anh
41		902 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T3	Joshua Kirkman (dịch Nguyễn Thành Yển)			25	Tiếng Anh

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
42		902 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T3 (CD 1 x 5 bo)				25	Tiếng Anh
43		903 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T4	Joshua Kirkman (dịch Nguyễn Thành Yên)			5	Tiếng Anh
44		903 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T4 (CD 1 x 5 bo)				10	Tiếng Anh
45		Chuẩn kiến thức biến đổi câu tiếng Anh	Lờ Văn Sự			10	Tiếng Anh
46		Chuẩn kiến thức về đặt câu tiếng Anh	Lờ Văn Sự			5	Tiếng Anh
47		Chuẩn kiến thức về trắc nghiệm ngữ pháp	Lờ Văn Sự			5	Tiếng Anh
48		Contemporary topics 1	Giới thiệu Thanh Hải			25	Tiếng Anh
49		Contemporary topics 1(CD 2 x 5 bo)				10	Tiếng Anh
50		Contemporary topics 2	Giới thiệu Thanh Hải			10	Tiếng Anh
51		Contemporary topics 2 (CD 3 x 5 bo)				10	Tiếng Anh
52		Contemporary topics 3	Giới thiệu Thanh Hải			25	Tiếng Anh

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
53		Contemporary topics 3 (CD 3 x 5 bo)				10	Tiếng Anh
54		English grammar in use				10	Tiếng Anh
55		English vocabulary in use elem				10	Tiếng Anh
56		English vocabulary in use pre				10	Tiếng Anh
57		English vocabulary in use upper				10	Tiếng Anh
58		Essential grammar in use				5	Tiếng Anh
59		Giải thích ngữ pháp tiếng Anh	Mai LAWn Hương - Hà Thanh Uyòn			5	Tiếng Anh
60		Giới từ tiếng Anh - Prepositions	Biên dịch: Nguyễn Thành Yên			25	Tiếng Anh
61		Mạo từ tiếng Anh - Articles				10	Tiếng Anh
62		Ngữ pháp tiếng Anh	Dịch và chủ giải: Nguyễn Thành Yên - Mai LAWn Hương - Nguyễn Thanh Loan			10	Tiếng Anh
63		New Headway - Pre-Intermediate,	John and Liz Soars (Minh	Nhà xuất bản Bách	2012	02	Tiếng Anh 1

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
		Oxford University	Thu dịch)	khoa thư			
64		Toán cao cấp - Xác suất thống kê	Nguyễn Độc Lập	Trường ĐH Y Dược TN	2012	07	Toán cao cấp - Xác suất thống kê
65							Giáo dục quốc phòng
66		New Headway - Pre-Intermediate, Oxford University	John and Liz Soars (Minh Thu dịch)	Nhà xuất bản Bách khoa thư	2012	02	Tiếng Anh 2
67		Tin học và ứng dụng trong y sinh học	Hoàng Minh Hằng	Nhà xuất bản Giáo dục	2008	02	Tin học đại cương
68		Điền kinh		NXBTĐT T	1975	02	Giáo dục thể chất 1
69		Điền kinh	Dương Nghiệp Chí	Viện khoa học TĐTT	206	02	
70		Giáo trình điền kinh trường ĐHSPTĐTT Hà Nội		NXBTĐT T	204	02	
71		Giáo trình giáo dục thể chất				02	
72		Bóng chuyền		NXBTĐT T	1975	02	Giáo dục thể chất 2
73		Giáo trình bóng chuyền	Bộ môn BC Trường ĐHTĐTT	Hà Nội	204	02	

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
74		Luật bóng chuyền	Nhiều tác giả	NXBTDT T	2009	02	
75		Huấn luyện bóng chuyền	Liên đoàn bóng chuyền thế giới (FIVB)	NXBTDT T	1995	02	
76		Kỹ Thuật bóng rổ	Đinh Văn Can	NXBTDT T	1979	02	Giáo dục thể chất 3
77		Giáo trình bóng rổ	Nguyễn Hữu Bằng	NXBTDT T	2002	02	
78		Kỹ thuật bóng rổ	Đinh Văn Can	NXBTDT T	1978	02	
79		Luật bóng rổ		NXBTDT T	2002	02	
80		Câu lông cho mọi nhà	Vụ Giáo dục thể chất	NXBTDT T	2010	02	
81		Lịch sử TDTT		NXBTDT T	2000	02	
82		Lý luận và phương pháp TDTT	Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn	NXB Hà Nội	1994	02	

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
83		English for Students of Nursing Science	Nguyễn Thị Ân	Trường ĐH Y Dược TN	2008	02	Tiếng Anh 3
84		NLCB của CN Mác - Lênin	Phạm Văn Sinh - Phạm Quang Phan	NXB Chính trị Quốc gia	2012	02	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
85		Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2008	02	
86		Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2008	02	
87		Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2008	02	
88		Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI		NXB Chính trị quốc gia	2006-2011	02	
89		Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	Đinh Xuân Lý - Nguyễn Đăng Quang	NXB Chính trị Quốc gia	2012	02	Đường lối cách mạng của ĐCSVN
90		Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia	2010	02	
91		Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VI, VII,		NXB Chính trị quốc gia	2006-2011	02	

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
		VIII, IX, X, XI					
92		Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Anh	NXB Chính trị Quốc gia	2012	02	Tư tưởng Hồ Chí Minh
93		Các tài liệu hướng dẫn học tập, nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ban Tuyên giáo Trung ương	NXB Chính trị quốc gia		02	
94		Hồ Chí Minh toàn tập	Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	NXB Chính trị quốc gia	2000	02	

+ Danh mục giáo trình và sách dùng cho học phần Ngoại ngữ: gồm Tiếng Anh và Tiếng Hàn

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
TÀI LIỆU CHO CÁC MÔN HỌC TIẾNG HÀN					
1.	한국어초급 연세한국어 1-1 Yonsei Korean 1-1	Trường Đại học Yonsei	2013	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Ngữ âm và từ vựng Tiếng Hàn
2.	한국어초급 연세한국어 1-2 Yonsei Korean 1-2	Trường Đại học Yonsei	2013	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn sơ cấp
3.	한국어초급 연세한국어 2-1 Yonsei Korean 2-1	Trường Đại học Yonsei	2013	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn sơ cấp
4.	한국어초급	Trường Đại học Yonsei	2013	01	Các học phần bắt buộc của ngành/

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	연세한국어 2-2 Yonsei Korean 2-2				Tiếng Hàn sơ cấp
5.	한국어초급 연세한국어 3-1 Yonsei Korean 3-1	Trường Đại học Yonsei	2013	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn sơ cấp
6.	한국어초급 연세한국어 4-1 Yonsei Korean 4-2	Trường Đại học Yonsei	2013	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn sơ cấp
7.	한국어초급 연세한국어 5-1 Yonsei Korean 5-2	Trường Đại học Yonsei	2013	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn sơ cấp
8.	한국어초급 연세한국어 6-1 Yonsei Korean 6-2	Trường Đại học Yonsei	2013	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn sơ cấp
9.	Get it Korean Grammar 1	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn sơ cấp
10.	Get it Korean Reading 1	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
11.	Get it Korean Listening 1	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
12.	Get it Korean Writing 1	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
13.	Get it Korean Speaking 1	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
14.	Get it Korean Grammar 2	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
15.	Get it Korean	Hawoo	2015	01	Các học phần bắt

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	Reading 2	Publishing			buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
16.	Get it Korean Listening 2	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
17.	Get it Korean Writing 2	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
18.	Get it Korean Speaking 2	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
19.	Get it Korean Grammar 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
20.	Get it Korean Reading 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung, cao cấp
21.	Get it Korean Listening 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
22.	Get it Korean Writing 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cao cấp
23.	Get it Korean Speaking 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cao cấp
24.	Get it Korean Grammar 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
25.	Get it Korean Reading 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
					Tiếng Hàn cao cấp
26.	Get it Korean Listening 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
27.	Get it Korean Writing 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
28.	Get it Korean Speaking 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
29.	Get it Korean Grammar 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
30.	Get it Korean Reading 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
31.	Get it Korean Listening 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
32.	Get it Korean Writing 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
33.	Get it Korean Speaking 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
34.	Get it Korean Grammar 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
35.	Get it Korean Reading 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
36.	Get it Korean Listening 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
37.	Get it Korean Writing 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
38.	Get it Korean Speaking 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
TÀI LIỆU HỌC CÁC MÔN TIẾNG ANH					
39.	900 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T1			55	Tiếng Anh
40.	900 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T1 (CD 1 x 5 bo)			25	Tiếng Anh
41.	901 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T2			25	Tiếng Anh
42.	901 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T2 (CD 1 x 5 bo)			5	Tiếng Anh
43.	902 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T3			25	Tiếng Anh
44.	902 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T3 (CD 1 x 5 bo)			25	Tiếng Anh
45.	903 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T4			5	Tiếng Anh
46.	903 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T4 (CD 1 x 5 bo)			10	Tiếng Anh
47.	Chuẩn kiến thức biến đổi câu tiếng Anh			10	Tiếng Anh
48.	Chuẩn kiến thức về đặt câu tiếng Anh			5	Tiếng Anh
49.	Chuẩn kiến thức về trắc nghiệm ngữ			5	Tiếng Anh

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	pháp				
50.	Contemporary topics 1			25	Tiếng Anh
51.	Contemporary topics 1(CD 2 x 5 bo)			10	Tiếng Anh
52.	Contemporary topics 2			10	Tiếng Anh
53.	Contemporary topics 2 (CD 3 x 5 bo)			10	Tiếng Anh
54.	Contemporary topics 3			25	Tiếng Anh
55.	Contemporary topics 3 (CD 3 x 5 bo)			10	Tiếng Anh
56.	English grammar in use			10	Tiếng Anh
57.	English vocabulary in use elem			10	Tiếng Anh
58.	English vocabulary in use pre			10	Tiếng Anh
59.	English vocabulary in use upper			10	Tiếng Anh
60.	Essential grammar in use			5	Tiếng Anh
61.	Giải thích ngữ pháp tiếng Anh			5	Tiếng Anh
62.	Giới từ tiếng Anh - Prepositions			25	Tiếng Anh
63.	Mạo từ tiếng Anh - Articles			10	Tiếng Anh
64.	Ngữ pháp tiếng Anh			10	Tiếng Anh
65.	New Headway - Pre-	Nhà xuất bản	2012	02	Tiếng Anh 1

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	Intermediate, Oxford University	Bách khoa thư			
66.	English File - Third Edition - Elementary	Oxford University Press.	2012	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Ngữ âm và từ vựng Tiếng Anh
67.	New Headway Upper-Intermediate	Oxford University Press.	1986	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh sơ cấp
68.	Toeic Training – Reading comprehension	NXB Thời Đại	2011	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh sơ cấp
69.	Britain, the country and its people: An introduction for learners of English	Oxford University Press.	1995	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh sơ cấp
70.	Britain for learners of English	Oxford University Press.	2009	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh sơ cấp
71.	Britain for learners of English - Workbook	Oxford University Press.	2009	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh sơ cấp
72.	Focus on an American Culture	Regents/ Prentice Hall	1993	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh sơ cấp
73.	Business in changing world, ninth edition	McGraw – Hill/Irwin	2014	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh sơ cấp
74.	New International Business English	University of Cambridge	2003	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh sơ cấp
75.	Business Administration Communication,	McGraw – Hill/Irwin	2006	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	Seventh Edition				
76.	English for Business Communication, Second Edition	Cambridge University Press.	2003	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
77.	Business Communication Today, Tenth Edition	Pearson	2010	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
78.	Basic Business Communication	McGraw – Hill/Irwin	2005	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
79.	Business Communication – making Connection in a Digital World	McGraw – Hill/Irwin	2005	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
80.	Hướng dẫn luyện dịch Việt – Anh	NXB Thanh niên	2004	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
81.	Cẩm nang luyện dịch và ngữ pháp Tiếng Anh	NXB Văn hóa thông tin	2003	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
82.	1000 Reading Comprehension practice test items	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	2011	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
83.	Từ điển thuật ngữ chuyên ngành biên phiên dịch Anh – Việt	NXB Thanh niên	2004	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
84.	New Longman Real Toeic Full actual test	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	2009	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
85.	Glencoe Literature	Glencoe	2002	1	Các học phần bắt

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
		McGraw-Hill			buộc của ngành/ Tiếng Anh trung, cao cấp
86.	Academic Writing – A Handbook for International Students	Stephen Bailey	2011	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
87.	New Cutting Edge	NXB Từ điển bách khoa	2011	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cao cấp
88.	Pathways – Listening, Speaking and Critical Thinking 4	National Geographic Learning	2013	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cao cấp
89.	Strategic Reading 3: Building Effective Reading Skills	Cambridge University Press	2004	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
90.	Pathways – Reading, Writing and Critical Thinking 3	National Geographic Learning	2014	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung, cao cấp
91.	Pathways – Listening, Speaking and Critical Thinking 3	National Geographic Learning	2012	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
92.	Strategic Reading 2: Building Effective Reading Skills	Cambridge University Press	2003	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cao cấp
93.	Pathways – Listening, Speaking and Critical Thinking 2	National Geographic Learning	2012	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cao cấp

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
94.	Life Elementary	National Geographic Learning	2015	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
95.	Life 1 Student book	National Geographic Learning	2014	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
96.	An Introduction to discourse analysis	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2000	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
97.	Dụng học, một số dẫn luận nghiên cứu ngôn ngữ Đại học Tổng hợp Oxford	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2003	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
98.	Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu các ngôn ngữ Đông Nam Á	NXB Trường ĐH sư phạm ngoại ngữ	1992	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
99.	Selecting and Using Core Reading Programs	International Reading Association	2010	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
100.	New Headway – Pre Intermediate Student’s book – 4th Edition	Oxford University Press.	2012	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
101.	Mosaic 1 Grammar	McGraw – Hill Contemporary	2002	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
102.	Skillful Reading & Writing Student’s book 1	MacmillAN Publishers Limited	2012	2	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
103.	Skillful Listening & Speaking Student’s book 2	MacmillAN Publishers Limited	2013	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
104.	Skillful Reading &	MacmillAN	2013	1	Các học phần bắt

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	Writing Student's book 2	n Publishers Limited			buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
105.	Mosaic 2 Writing	McGraw – Hill Contemporary	2007	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
106.	Cambridge English Skills: Real Listening and Speaking with Answers 2	Cambridge University Press.	2008	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
107.	Cambridge English Skills: Real Writing with Answers 2	Cambridge University Press.	2008	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
108.	Cambridge English Skills: Real Listening and Speaking with Answers 3	Cambridge University Press.	2008	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
109.	Skillful Reading & Writing Student's book 3	Macmillan Publishers Limited	2013	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
110.	Skillful Listening & Speaking Student's book 3	Macmillan Publishers Limited	2013	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
111.	Skillful Reading & Writing Student's book 4	Macmillan Publishers Limited	2014	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
112.	Skillful Listening & Speaking Student's book 4	Macmillan Publishers Limited	2014	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
113.	Cambridge Practice tests for IELTS	Cambridge University Press.	1996	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
114.	Essentials	McGraw –	1991	1	Các học phần bắt

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	Behavioral Research: Methods and Data Analysis	Hill			buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
115.	LAWnguage teaching methodology	Longman	2000	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
116.	Hướng dẫn đọc và dịch báo chí Anh – Việt	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2003	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
117.	Culture Magazine	McGraw – Hill	2007	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
118.	Culture Sketches	McGraw – Hill	2002	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
119.	Business: Connecting principles to practices	McGraw – Hill	2012	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
120.	Business Benmark	Cambridge University Press.	2006	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
121.	Business: An Integrative Approach	McGraw – Hill	2000	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
122.	Business: A changing world, 5th edition	McGraw – Hill	2006	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
123.	A culture of purpose	Jossey – Bass	2014	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
124.	A University grammar of English	NXB văn hóa thông tin	2010	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
125.	Understand and using English Grammar workbook	NXB Thanh niên	2000	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
126.	Practice English Usage	Oxford University Press.	2005	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
127.	Cambridge grammar of English	Cambridge University Press.	2006	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
128.	Grammar and composition handbook	McGraw – Hill	2000	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
129.	Oxford English Grammar Course Intermediate	Oxford University Press.	2011	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
130.	English Phonetics and Phonology	Cambridge University Press.	1983	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
131.	Semantics a course book	Nhà sách Lê Quý Đôn	2001	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
132.	English for International Tourism - Intermediate coursebook	Oxford University Press	2010		Tiếng Anh Du lịch
133.	Career Paths : Tourism – Listening & Speaking Book 2	New Edition, Pearson Education Limited	2013		Tiếng Anh Du lịch
134.	Great Writing 2 - Great Paragraphs (3 rd edition)	Express Publishing	2014		Tiếng Anh Du lịch

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT**c) Danh mục giáo trình của ngành đào tạo Luật**

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Tâm lý học đại cương,	Nguyễn Quang Uẩn chủ biên	NXB ĐHQG Hà Nội.	2005	5	Tâm lý học
2	Tâm lý học tư pháp	Chu Liên Anh, Dương Thị Loan.	NXB GD	2010	5	Tâm lý học
3	Lôgic học đại cương	Nguyễn Như Hải	NXB Giáo dục.	2007	5	Lôgic học
4	Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật	Chủ biên Hoàng Thị Kim Quế	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội,	2007	5	Lý luận Nhà nước về Pháp luật
5	Hiến pháp của nước CHXHCNVN	Văn bản pháp luật	NXB LĐXH	2014	5	Luật Hiến pháp Việt Nam
6	Giáo trình luật hành chính Việt Nam	PGS. TS. Nguyễn Cửu Việt	NXB chính trị Quốc Gia	2013	5	Luật Hành chính
7	Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	ĐH Luật Hà Nội	NXB CAND	2012	5	Tài sản quyền sở hữu và thừa kế
8	Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	Khoa Luật, ĐHQGHN	NXB ĐHQG	2008	5	Tài sản quyền sở hữu và thừa kế
9	Giáo trình Luật tố tụng dân sự VN	Bùi Thị Thanh Hằng (chủ biên)	NXB ĐHQG HN	2014	5	Luật tố tụng dân sự
10	Bộ Luật tố tụng dân sự của nước CHXHCNVN	Văn bản pháp luật	NXB LAWo động xã hội	2012	5	Luật tố tụng dân sự
11	Giáo trình Luật hình sự Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân	2004	5	Luật Hình sự
12	Bộ luật hình sự nước	Văn bản pháp luật	NXB chính trị	2015	5	Luật Hình sự

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
	CHXHCNVN năm 1999 đã được sửa đổi và bổ sung ngày 19/6/2009		Quốc gia			
13	Giáo trình Luật TTHS Việt Nam	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên)	NXB ĐHQG Hà Nội	2013	5	Luật tố tụng hình sự
14	Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới	Trường ĐH Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân	2012.	5	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Thế giới
15	Giáo trình Luật hình sự Việt Nam	Khoa Luật - ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2003	5	Luật Hình sự
16	Bộ Luật lao động	Văn bản pháp luật	NXB CTQG	2005	5	Luật lao động
17	Giáo trình Luật Lao động Việt Nam	ĐH Luật Hà Nội	NXB CAND	2005	5	Luật Lao động
18	Giáo trình Luật quốc tế	ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân, ThS. Chu Mạnh Hùng	NXB Giáo dục	2012	5	Luật Quốc tế
19	Hướng dẫn pháp luật hợp đồng thương mại	Đặng Văn Đước	NXB LĐXH	2006	5	Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng
20	Giáo trình Luật đầu tư	Trường ĐH Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân	2007	5	Luật đầu tư
21	Giáo trình luật chứng khoán	Trường ĐH Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân	2008	5	Luật chứng khoán
22	Luật chứng khoán và các văn bản thực hiện	Văn bản pháp luật	NXB Tài chính	2007	5	Luật chứng khoán
23	Sửa đổi Luật thương mại Việt Nam năm 1997 phù hợp với pháp luật và tập quán	Nguyễn Thị Mơ (Chủ biên)	NXB lí luận chính trị	2005	5	Luật phòng vệ thương mại

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
	thương mại quốc tế					
24	Giáo trình Luật môi trường	Trường ĐH Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân	2008	5	Luật môi trường
25	Luật Môi trường	Văn bản pháp luật	NXB LAWo động	2010	5	Luật môi trường
26	Giáo trình Pháp luật về đầu tư xây dựng	Trường ĐH Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân		5	Pháp luật về đầu tư xây dựng
27	Luật xây dựng, luật đấu thầu và các văn bản mới về quản lý hoạt động đầu xây dựng 2009	Quốc Cường (sưu tầm và hệ thống hóa)	NXB Hồng Đức	2009	5	Pháp luật về đầu tư xây dựng
28	Luật xây dựng 2014	Văn bản pháp luật	NXB LĐXH	2014	5	Pháp luật về đầu tư xây dựng
29	Luật giao dịch điện tử 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản pháp luật	NXB Công an nhân dân	2005	5	Luật giao dịch điện tử
30	Giáo trình Luật so sánh	PGS.TS. Nguyễn Khánh Vinh	NXB Công an nhân dân	2002	5	Luật so sánh
31	Luật so sánh	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân	2009	5	Luật so sánh
32	Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới	TS. Nguyễn Minh Tuấn	NXB CTQG	2014	5	Luật dân sự La Mã
33	Giáo trình lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh (chủ biên)	NXB Giáo dục	2006	5	Luật dân sự La Mã
34	Luật hôn nhân và gia đình	Văn bản pháp luật	NXB Chính trị quốc gia	2008	5	Luật hôn nhân và gia đình
35	Giáo trình Luật hôn nhân và gia đình	Đại học Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân	2010	5	Luật hôn nhân và gia đình

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
	đình					
36	Giáo trình luật an sinh xã hội	Nguyễn Hữu Trí (chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam	2012	5	Luật an sinh xã hội
37	Pháp luật an sinh xã hội - những vấn đề lý luận và thực tiễn	Nguyễn Hiền Phương	NXB Tư pháp Hà Nội	2010	5	Luật an sinh xã hội
38	Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, tập 1,2	TS. Lê Đình Nghị (chủ biên)	NXB GDVN	2011	5	Pháp luật về hợp đồng
39	Luật dân sự Việt Nam	Nguyễn Xuân Quang, Lê Nét, Nguyễn Hồ Bích Hằng	NXB ĐHQG thành phố HCM	2007	5	Pháp luật về hợp đồng
40	Giáo trình Pháp luật sở hữu trí tuệ	TS. Hồ Ngọc Thúy (Chủ biên)/ Trường ĐH Ngoại thương	NXB. ĐHQG Hà Nội	2012	5	Luật sở hữu trí tuệ
41	Giáo trình Luật SHTT	Lê Đình Nghị và Vũ Thị Hải Yến (Chủ biên)	NXB. Giáo dục Việt Nam	2009	5	Luật sở hữu trí tuệ
42	Giáo trình Pháp luật doanh nghiệp	PGS. TS. Bùi Ngọc Sơn/ Trường ĐH Ngoại thương	NXB ĐHQG Hà Nội	2011	5	Pháp luật về doanh nghiệp
43	Luật Thương mại	Văn bản pháp luật	NXB chính trị Quốc gia	1997	5	Luật thương mại
44	Giáo trình Luật thương mại Việt Nam	Khoa Luật- ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN	2002	10	Luật thương mại
45	Giáo trình Luật đất đai	Đại học Luật Hà Nội,	NXB Công an nhân dân	2003	5	Luật đất đai

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
46	Những sửa đổi cơ bản của Luật đất đai 2003	Vụ công tác pháp chế	NXB Tư pháp	2004	5	Luật đất đai
47	Giáo trình Luật cạnh tranh	Đại học Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân	2010	5	Luật cạnh tranh
48	Luật cạnh tranh	TS. Nguyễn Duy Hùng	NXB chính trị quốc gia	2008	5	Luật cạnh tranh
49	Luật kinh doanh bảo hiểm	Đại học Luật Hà Nội	NXB chính trị Quốc gia	2014	5	Luật kinh doanh bảo hiểm
50	Giáo trình Luật đất đai	Trường ĐH Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân	2003	5	Pháp luật kinh doanh bất động sản
51	Luật kinh doanh bất động sản (sửa đổi) có hiệu lực từ 1/7/2015	Văn bản pháp luật	NXB Chính trị quốc gia	2015	5	Pháp luật kinh doanh bất động sản
52	Doanh nghiệp với kinh nghiệm giải quyết tranh chấp hợp đồng và tố tụng Tòa án,	Hồ Ngọc Diệp	NXB Tư pháp	2004	5	Phá sản và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh
53	Pháp luật phá sản Việt Nam	Dương Đăng Huệ	NXB Tư pháp	2005	5	Phá sản và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh
54	Giáo trình Luật đầu tư	Trường ĐH Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân	2007	5	Thủ tục đăng ký doanh nghiệp và thủ tục đầu tư
55	Luật ngân hàng nhà nước Việt Nam	Văn bản pháp luật	NXB chính trị Quốc gia	2012	5	Luật ngân hàng
56	Giáo trình Luật thuế	Đại học Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân	2010	5	Luật thuế
57	Luật Thuế	Văn bản pháp luật	NXB LAWo động	2013	5	Luật thuế

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
58	Giáo trình Luật tài chính Việt Nam	Đinh Dũng Sỹ (chủ biên)	NXB ĐHQG HN	2002	5	Luật tài chính
59	Luật Hải quan năm 2014	Văn bản pháp luật	NXB LĐXH	2014	5	Luật hải quan
60	Giáo trình luật TMQT	Trường ĐH Luật Hà Nội	NXB Tư pháp	2012	5	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế theo WTO
61	Giáo trình tư pháp quốc tế	PGS.TS. Nguyễn Bá Diên (chủ biên)	NXB ĐHQG Hà Nội	2013	5	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế theo WTO

d) Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Lôgic học đại cương	Vương Tất Đạt	Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005	5	Lôgic học
2	Kinh doanh chứng khoán	Nguyễn Thị Mùi	NXB Tài chính, 2006	5	Luật chứng khoán
3	Giáo trình thị trường chứng khoán	Bạch Đức Hiền, Học viện tài chính	NXB Tài chính, 2009	5	Luật chứng khoán
4	Bộ Luật Lao động 2013: Chế độ tiền lương, trợ cấp, phụ cấp, BHXH, BHYT	Tăng Bình, Thu Huyền, Ái Phương (sưu tầm và hệ thống hóa)	NXB LAWo động xã hội, 2013.	5	Luật an sinh xã hội
5	Luật hành chính nước ngoài	PGS. TS. Nguyễn Cửu Việt/ Khoa Luật ĐHQGHN	NXB ĐHQGHN, 2011	5	Luật hành chính

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
6	Bộ Luật dân sự	Văn bản pháp luật	NXB chính trị quốc gia, 2015	5	Luật dân sự
7	Giáo trình Luật bảo vệ người tiêu dùng	TS. Nguyễn Thị Vân Anh, TS. Nguyễn Văn Cương (đồng chủ biên)	NXB chính trị quốc gia, 2012	5	Luật sở hữu trí tuệ
8	Giáo trình Pháp luật kinh doanh quốc tế	TS. Nguyễn Minh Hằng/ Trường ĐH Ngoại thương	NXB ĐHQG Hà Nội, 2012	5	Luật quốc tế
9	Luật bảo hiểm y tế năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014	Văn bản pháp luật	NXB chính trị quốc gia, 2014	5	Luật kinh doanh bảo hiểm
10	Luật BHXH	Văn bản pháp luật	NXB CTQG, 2014	5	Luật kinh doanh bảo hiểm
11	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động năm 2006	Văn bản pháp luật	NXB Tư pháp, 2007	5	Chuyên ngành
12	Chuyên khảo luật kinh tế	TS. Phạm Duy Nghĩa	NXB ĐHQG, 2004	5	Chuyên ngành
13	Luật ngân sách nhà nước	Văn bản pháp luật	NXB CTQG, 2004	5	Chuyên ngành
14	Pháp lệnh xử lý VPHC	Văn bản pháp luật	NXB CTQG, 2004	5	Chuyên ngành
15	Bộ luật tố tụng hình sự	Văn bản pháp luật	NXB Tư pháp, 2006	5	Chuyên ngành
16	Từ điển pháp luật Anh - Việt	Văn bản	NXB KHXH, 1997	5	Chuyên ngành
17	Chuyển dịch cơ cấu lao động trong xu hướng hội nhập quốc tế	PGS.TS. Phạm Quý Thọ	NXB LĐXH, 2006	5	Chuyên ngành
18	Quy định mới về chuyển đổi DNNN, DN của tổ chức chính trị,	Văn bản pháp luật	NXB CTQG, 2006	5	Chuyên ngành

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
	TCT-XH thành công ty TNHH 1 thành viên				
19	Các quy định pháp luật về hóa đơn và mã số thuế	Lê Văn Chấn	NXB Tổng hợp TPHCM, 2006	5	Chuyên ngành
20	Hỏi đáp về chế độ, chính sách đối với lao động dôi dư và người lao động trong sắp xếp và cổ phần hóa DNN	Chu Hoàng Anh	NXB LĐXH, 2005	5	Chuyên ngành
21	Thống nhất Luật hợp nhất ở Việt Nam	ThS. Đinh Thị Mai Hương	NXB Tư pháp, 2005	5	Chuyên ngành
22	Thừa kế theo pháp luật	TS. Phùng Truy Tập	NXB Tư pháp, 2004	5	Chuyên ngành
23	Luật Quốc tế (Lý luận và thực tiễn)	TS. Trần Văn Thắng - ThS. Lê Mai Anh	NXB GD, 2001	5	Chuyên ngành
24	Luật DNNN	Văn bản pháp luật	NXB CTQG, 2013	5	Chuyên ngành
25	100 câu hỏi về thừa kế theo Bộ luật dân sự	Lê Kim Quế	NXB CTQG, 1997	5	Chuyên ngành
26	Một số tranh chấp điển hình phát sinh trong quá trình thực hiện Luật doanh nghiệp	Tổ công tác thi hành Luật Doanh nghiệp	NXB Thống kê, 2004	5	Chuyên ngành
27	Hợp đồng kinh tế vô hiệu lực	TS. Lê Thị Bích Thọ	NXB CTQG, 2004	5	Chuyên ngành
28	Luật các tổ chức tín dụng	Văn bản pháp luật	NXB CTQG, 1998	5	Chuyên ngành
29	Bảo hộ kiểu dáng công nghiệp ở Việt Nam pháp luật và thực tiễn	Nguyễn Bá Bình	NXB Tư pháp, 2005	5	Chuyên ngành
30	Quyền sở hữu công nghiệp trong hoạt động	TS. Nguyễn Thanh Tâm	NXB Tư pháp, 2006	5	Chuyên ngành

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
	thương mại				
31	Thị trường lao động Việt Nam thực trạng và các giải pháp phát triển	PGS.TS. Phạm Quý Thọ	NXB LDXH, 2003	5	Chuyên ngành
32	Giáo trình luật ngân hàng	TS. Võ Đình Toàn (chủ biên)	NXB CAND, 2004	5	Chuyên ngành
33	Quy định mới về đổi mới DNNN	Văn bản pháp luật	NXB CTQG, 2006	5	Chuyên ngành
34	Luật bảo vệ môi trường và nghị định hướng dẫn thi hành	Văn bản pháp luật	NXB CTQG, 2005	5	Chuyên ngành
35	Hướng dẫn áp dụng các điều của Bộ luật Lao động	ThS. Trần Thúy Lâm	NXB LAWo động, 2005	5	Chuyên ngành
36	Tìm hiểu luật (thương mại, hải quan, thuế xuất, nhập khẩu, ...)	Văn bản pháp luật	NXB LDXH, 2006	5	Chuyên ngành
37	Luật La mã	PGS. Nguyễn Ngọc Đào	NXB ĐHQG, 1994	5	Chuyên ngành
38	Một số quy định pháp luật về cơ quan tư pháp	Văn bản pháp luật	NXB CTQG, 2003		Chuyên ngành
39	Thủ tục rút gọn trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam	Nguyễn Văn Hiến	NXB Tư pháp, 2004	5	Chuyên ngành
40	Hoàn thiện, thực thi pháp luật về lao động nữ trong doanh nghiệp ngoài nhà nước	TS. Nguyễn Hữu Chí	NXB CTQG, 1996	5	Chuyên ngành

1.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế**1.2.1. Nghiên cứu khoa học**

Cùng với đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) và phát triển công nghệ được Nhà trường xác định là một trong hai nhiệm trọng tâm để thực hiện mục

tiêu và sứ mạng xây dựng Trường ĐHV B trở thành trường đại học có uy tín cao trong lĩnh vực đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ (CGCN) trong khu vực trung du, miền núi phía Bắc và trong cả nước. Vai trò quan trọng của hoạt động khoa học và công nghệ đối với sự phát triển của Trường Đại học Việt Bắc đã được xác định trong mục tiêu, tầm nhìn và chiến lược phát triển của Nhà trường

Nhận thức được vai trò quan trọng của hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) trong trường đại học, ngay sau khi được thành lập, Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN phù hợp với sứ mạng của Nhà trường và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện. Với quyết tâm cao của lãnh đạo Nhà trường và được sự đồng thuận, tham gia tích cực của đội ngũ cán bộ giảng dạy, hoạt động KH&CN của Trường Đại học Việt Bắc đã được triển khai theo đúng kế hoạch, nội dung thực hiện phù hợp với sứ mạng của Nhà trường đã công bố.

Thực tế, Trường Đại học Việt Bắc mới đi vào hoạt động trong khoảng thời gian hơn 7 năm (2013-2020), và trong điều kiện Nhà trường không được Nhà nước cấp kinh phí cho hoạt động KH&CN, đội ngũ cán bộ ít (gần 100 người) nhưng hoạt động KH&CN đã được triển khai trong cả hai lĩnh vực NCKH, CGCN và đã đạt được những kết quả hết sức quan trọng, tạo đà phát triển cho những năm tiếp theo. Trong giai đoạn (2013-2020) nhà trường đã triển khai được 30 đề tài NCKH, 04 dự án KH&CN và đến nay đã nghiêm thu được 25 đề tài NCKH, 04 dự án KH&CN. Cũng trong thời gian này, Nhà trường đã công bố được 87 kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế (Trong đó có 11 công bố trên các tạp san, kỷ yếu khoa học quốc tế)

Kết quả hoạt động NCKH và phát triển công nghệ trong những năm qua đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy, quản lí và đóng góp vào phát triển các nguồn lực của Nhà trường. Đồng thời kết quả CGCN vào doanh nghiệp và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đã góp phần nâng cao vị thế của trường ĐHV B trong khu vực.

1.2.2. Hợp tác quốc tế

Nhận thức được tầm quan trọng của hội nhập Quốc tế đối với giáo dục Đại học, Trường Đại học Việt Bắc luôn xem hợp tác quốc tế (HTQT) là một hoạt động quan trọng trong chiến lược phát triển của mình. Nhà trường xác định, trọng tâm của hoạt động hợp tác quốc tế là góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, uy tín và hình ảnh của Trường ở trong nước cũng như trên phạm vi quốc tế. Vì vậy, tuy mới thành lập nhưng Nhà trường đã có những bước đầu chủ động thiết lập quan hệ, ký kết hợp tác với nhiều đối tác nước ngoài. Nhà trường đã xây dựng quy định, quy trình HTQT nhằm làm cơ sở pháp lý cho các hoạt động HTQT được thực hiện đúng quy định của

Nhà nước. Hiện tại, Nhà trường đang tích cực đẩy mạnh việc tìm kiếm cơ hội HTQT nhằm từng bước nâng cao năng lực đội ngũ, bồi dưỡng chuyên môn, trao đổi các chương trình đào tạo, giao lưu khoa học và tăng nguồn cơ sở vật chất, tài liệu thông tin phục vụ việc học tập và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Trong những năm qua, Trường Đại học Việt Bắc đã đạt được những thành tích đáng kể trong quan hệ quốc tế và đã mang lại những hiệu quả trong đào tạo và nghiên cứu khoa học. Cụ thể:

- Trường Đại học Việt Bắc đã mời các đoàn ngoại giao như Ba Lan, Hàn Quốc, các cơ sở giáo dục của các nước Malaysia, Mỹ, Hàn Quốc đến trường trao đổi về hợp tác trong đào tạo, NCKH. Nhà trường cũng đã tổ chức tham quan, khảo sát tại một số trường của nước ngoài nhằm học hỏi kinh nghiệm và tìm cơ hội hợp tác như các trường của Anh, của Malaysia.

- Trường đã kí 4 hợp đồng đào tạo với các đối tác nước ngoài là Entrepreneurial, Incubation & Career Center Southern University College, Malaysia, kí kết hợp tác toàn diện với Sourthern University College Malaysia, Calsouthern University Mỹ và Thỏa thuận hợp tác với Trung tâm văn hóa Việt-Hàn.

- Trường cũng đã làm việc với Đại sứ quán nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và lãnh đạo Sở Giáo dục-Thể thao, đã đón và đào tạo 2 khóa với 128 lưu học sinh.

- Trường có quan hệ hợp tác với Tổ chức Hessen Cộng hoà Liên Bang Đức. Nhờ vậy, hàng năm (bắt đầu từ năm 2014), Trường đều được cấp 4-6 suất học bổng Hessen trị giá 210 Euro/1 suất của Bộ Khoa học và Nghệ thuật Bang Hessen-Đức trao cho sinh viên (tổng cộng có 26 sinh viên đạt học bổng Hessen).

1.2.3. Các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và quan hệ quốc tế

Trong những năm qua, Trường Đại học Việt Bắc đã tuyển sinh được 7 khoá đào tạo và đã có 4 khoá sinh viên tốt nghiệp ra trường. Hiện nay, trường đang có gần 1000 SV đang học tại trường; đặc biệt, có gần 130 sinh viên nước ngoài (sinh viên Lào) đang theo học bậc đại học tại Trường.

Tuy là một trường đại học tư thục mới được thành lập, Trường Đại học Việt Bắc cũng đã rất chú trọng đến công tác nghiên cứu khoa học và coi đây là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm của Trường và đã đạt được một số thành công trong nghiên cứu khoa học với 55 đề tài NCKH các cấp đã được nghiệm thu và 57 bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Đặc biệt Trường có nhiều

đề tài và dự án nghiên cứu khoa học-chuyên giao công nghệ với các doanh nghiệp trong nước.

Ngoài ra, Trường Đại học Việt Bắc đã có cố gắng trong công tác quan hệ quốc tế và đã đạt được nhiều kết quả đáng kể. Trường đang có quan hệ về đào tạo và NCKH với trường Đại học Bắc Malixia (Nouthern Malixia), Trường Đại học Califocnia, Mỹ (Califocnia University); đặc biệt Trường có quan hệ hợp tác với Trung tâm Giao lưu Văn hoá Hữu nghị Việt-Hàn, Hàn Quốc và một số giảng viên người Hàn Quốc giảng dạy tiếng Hàn tại Trường Đại học Việt Bắc.

**PHẦN III. CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO VÀ ĐỀ CƯƠNG
CHI TIẾT HỌC PHẦN**

PHẦN III: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 87/QĐ-ĐHVB ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc)

- Tên chương trình	Luật
- Trình độ đào tạo	Đại học
- Ngành đào tạo	Luật
- Mã ngành	7380101
- Loại hình đào tạo	Chính quy
- Thời gian đào tạo	4 năm

A. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Căn cứ xây dựng

1.1. Các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và về mở ngành đào tạo

- + Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;
- + Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng BGD&ĐT).
- + Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về Sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- + Thông tư số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 về Văn bản hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;
- + Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

+ Công văn số 3281/BGDĐT-GDĐH ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện một số nội dung liên quan đến thẩm định chương trình đào tạo theo quy định của Thông tư số 07/2015/TT- BGDĐT ngày 16/4/2015;

+ Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư số 22/2017/TT-BGD&ĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017;

+ Danh mục đào tạo cấp IV - trình độ Cao đẳng Đại học, ban hành kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Công văn số 3056/BGDĐT-GDĐH ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị;

+ Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn Lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về lý luận chính trị;

+ Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

+ Thông tư số 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 01/2019/TT-BGDĐT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Tham khảo chương trình khung và chương trình đào tạo ngành Luật của một số trường đại học đang đào tạo ngành Luật trong nước và ngoài nước.

1.2. Các văn bản pháp quy và định hướng phát triển Trường Đại học Việt Bắc

- Quyết định số 1341/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/8/2011 về việc thành lập Trường Đại học Việt Bắc;

- Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 26/8/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công nhận Hội đồng Quản trị và các chức vụ lãnh đạo Trường Đại học Việt Bắc;

- Quyết định số 03/QĐ-ĐHVB ngày 08 tháng 3 năm 2015 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc ban hành Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Việt Bắc.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Việt Bắc ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQT ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- "Quy hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến 2030" được ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHVB ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc;

- "Quy hoạch phát triển trung hạn Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2016 - 2020" được ban hành kèm theo Quyết định số 14/QĐ-ĐHVB ngày 17 tháng 02 năm 2016 Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc;

2. Giới thiệu chương trình

- Chương trình đào tạo Luật trình độ đại học của Trường Đại học Việt Bắc được cấu trúc theo Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về mở mã ngành đào tạo và Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng BGD&ĐT). Chương trình cũng cập nhật Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và các công văn, quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thời gian của chương trình đào tạo là 4 năm với khối lượng kiến thức toàn khóa là 125 tín chỉ (không kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-an ninh), trong đó kiến thức giáo dục đại cương là 40 tín chỉ, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 85 tín chỉ, trong đó kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành là 8 tín chỉ, kiến thức cơ sở ngành là 27 tín chỉ và chuyên ngành là 36 tín chỉ (trong đó gồm 28 tín chỉ là học phần bắt buộc và 8 tín chỉ là học phần tự chọn), thực tập tốt nghiệp và tốt nghiệp là 14 tín chỉ.

B. NỘI DUNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học phát triển một cách toàn diện:

- Có phẩm chất đạo đức, chính trị, có ý thức nghề nghiệp, thái độ lao động tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Có thể giới quan, nhân sinh quan rõ ràng, có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực.

- Có kiến thức chuyên môn vững vàng, kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, biết giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Luật.

- Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Luật có thể đảm nhiệm các công việc tại các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực Luật và tư pháp, cơ quan quản lý nhà nước về Luật; các cơ quan nghiên cứu về Luật, có thể tham gia đào tạo liên quan đến lĩnh vực Luật.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật của Trường Đại học Việt Bắc sẽ nắm vững các khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành. Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương gồm kiến thức của một số ngành khoa học về chính trị, kinh tế, văn hóa, lịch sử, tâm lý là nền tảng cho việc tiếp nhận, nghiên cứu và phát triển tri thức về nhà nước và pháp luật của chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật; kiến thức về công nghệ thông tin, ngoại ngữ...

- Kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành gồm kiến thức lý luận và thực tiễn về Nhà nước và pháp luật nói chung; kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản cho phép sinh viên có thể vận dụng để giải quyết các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật về hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế, quốc tế.

1.2.2. Về kỹ năng

*** Kỹ năng cứng**

- Kỹ năng nghiên cứu, đánh giá tính hợp lý của luật thực định trong mối quan hệ với lý luận, phát hiện và giải quyết các vấn đề từ đơn giản đến phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý.

- Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình.

- Kỹ năng phân tích các tình huống pháp lý từ thực tiễn và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết.

- Kỹ năng tư vấn, xây dựng lập luận pháp lý và bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề luật.

- Kỹ năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan đến công việc đảm nhiệm.

*** Kỹ năng mềm**

- Kỹ năng khởi nghiệp trong nghề luật.

- Kỹ năng lập kế hoạch công việc, quản lý công việc, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.

- Kỹ năng giao tiếp, trình bày những giải pháp phức tạp, giải pháp thay thế,... thông qua các báo cáo thuyết trình chuyên môn...

- Kỹ năng làm việc nhóm.

- Kỹ năng quản lý bản thân.

- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thông dụng.

- Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản.

1.2.3. Thái độ

- Hiểu biết và có trách nhiệm: chấp hành đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tự giác thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của người công dân.

- Phẩm chất nghề nghiệp cần thiết của một luật gia.

- Trung thực, năng động, tự tin, có trách nhiệm và ý thức phục vụ cộng đồng, hòa hợp và cầu thị.

- Dám nghĩ, dám làm và biết đương đầu với rủi ro.

- Tinh thần thượng tôn pháp luật, phụng sự công lý; công bằng, liêm chính và nhân văn.

- Tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc.

1.2.4. Về trình độ Ngoại ngữ

- Áp dụng chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Tương đương cấp độ B1 của CEFR - Khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng châu Âu*).

- Công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đáp ứng một trong những điều kiện sau: Có kết quả đạt trong kỳ đánh giá chuẩn đầu ra tiếng Anh do Nhà trường tổ chức trong thời hạn 3 năm tính từ ngày có quyết định công nhận đạt chuẩn đầu ra đến ngày xét tốt nghiệp.

- Có một trong những chứng chỉ quốc tế tiếng Anh: TOEFL 450, TOEFL iBT 57, TOEIC 450, IELTS 4.5, PET 70 còn thời hạn tính từ ngày được cấp chứng chỉ đến ngày xét tốt nghiệp được, Trường Đại học Việt Bắc xác minh và công nhận.

1.2.5. Về trình độ Tin học

- Đạt chuẩn đầu ra về Tin học không chuyên tại Trường Đại học Việt Bắc về việc kiểm tra kiến thức và những kỹ năng thực hành theo chuẩn IC3: Có kiến thức căn bản về máy tính (phần cứng, phần mềm, biểu diễn dữ liệu trên máy tính, mạng máy tính, vấn đề tổ chức và lưu trữ dữ liệu trên máy tính, tìm kiếm và trao đổi thông tin trên Internet, vấn đề an toàn thông tin).

- Kỹ năng xử lý văn bản: soạn thảo và trình bày văn bản từ đơn giản đến tài liệu dài (thực hiện được cấu trúc một văn bản trong Microsoft Word, tạo mới, nhập văn bản, lưu trữ, sử dụng lại văn bản, copy, cut,... định dạng văn bản, mail messenger, sử dụng Template và Style.

- Kỹ năng xử lý bảng tính căn bản: hiểu và thao tác thành thạo trên các thành phần giao diện của Microsoft Excel, nhập dữ liệu đúng, vận dụng một số hàm và các toán tử của Excel, biểu đồ.

- Kỹ năng tạo trình chiếu: tạo và trình bày tập tin trình chiếu với PowerPoint, các hiệu ứng khi trình chiếu, in slide, Handout.

- Kỹ năng xử lý CSDL (căn bản): tạo một CSDL, nhập dữ liệu và truy vấn trong cơ sở dữ liệu Access, tạo form và report đơn giản trong Access.

1.2.6. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

- Thực hiện pháp luật: tham gia các hoạt động áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý tại Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Văn phòng Thừa phát lại và các cơ quan tư pháp khác; tham gia các công việc có liên quan đến pháp lý, pháp chế tại các cơ quan thông tấn, truyền thông như phóng viên, biên tập viên về pháp luật; thực hiện các công việc về pháp lý tại các cơ quan nhà nước và tư nhân khác.

- Tư vấn luật, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng.

- Tham gia giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật.

- Tiếp tục học tập lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo Luật học trong nước và quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật trình độ đại học có khả năng như sau:

Mã số CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
1. Chuẩn về kiến thức	
CDR1	Hiểu biết về thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực.
CDR2	Hiểu biết và vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.
CDR3	Nắm vững kiến thức giáo dục An ninh - Quốc phòng và năng lực thể chất.
CDR4	Có trình độ tin học văn phòng tương đương với trình độ A
CDR5	Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

CĐR6	Giải thích được các kiến thức cơ bản về Luật và các vấn đề liên quan.
CĐR7	Áp dụng được kiến thức cơ bản kiến thức của một số ngành khoa học về chính trị, kinh tế, văn hóa, lịch sử, tâm lý là nền tảng cho việc tiếp nhận, nghiên cứu và phát triển tri thức về nhà nước và pháp luật
CĐR8	Vận dụng được kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lý, khoa học công nghệ, luật pháp góp phần tích cực vào nghiên cứu, thực hiện pháp luật
CĐR9	Hiểu biết kiến thức lý luận và thực tiễn về Nhà nước và pháp luật nói chung
CĐR10	Hiểu biết kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản
CĐR11	Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật về hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế và quốc tế
CĐR12	Áp dụng kiến thức Luật để tư vấn luật, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng.
2. Chuẩn về kỹ năng (bao gồm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm)	
CĐR13	Kỹ năng nghiên cứu, đánh giá tính hợp lý của luật thực định trong mối quan hệ với lý luận, phát hiện và giải quyết các vấn đề từ đơn giản đến phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý.
CĐR14	Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình.
CĐR15	Kỹ năng phân tích các tình huống pháp lý từ thực tiễn và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết.
CĐR16	Kỹ năng tư vấn, xây dựng lập luận pháp lý và bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề luật.
CĐR17	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan đến công việc đảm nhiệm.
CĐR18	Kỹ năng khởi nghiệp trong nghề luật..

CĐR19	Kỹ năng lập kế hoạch công việc, quản lý công việc, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.
CĐR20	Kỹ năng giao tiếp, trình bày những giải pháp phức tạp, giải pháp thay thế,... thông qua các báo cáo thuyết trình chuyên môn...
CĐR21	Làm việc nhóm, tổ chức công việc
3. Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR22	Phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm công dân
CĐR23	Tuân thủ nội quy, quy định pháp luật
CĐR24	Có trách nhiệm cao với công việc
CĐR25	Có trách nhiệm tốt với tập thể và xã hội

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

125 tín chỉ (không bao gồm 14 tín chỉ Giáo dục Thể chất và Giáo dục QP-AN)

3.1. Thời gian đào tạo và khối kiến thức

- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Khối kiến thức: 125 tín chỉ

3.2. Cấu trúc các khối kiến thức của chương trình giáo dục

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	40
1.1	Lý luận chính trị	11
1.2	Ngoại ngữ	12
1.3	Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường	6
1.4	Khoa học xã hội và nhân văn	11
1.4.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>	6
1.4.2	<i>Các học phần tự chọn</i>	5
1.5	Giáo dục thể chất	3
1.6	Giáo dục quốc phòng an ninh	11
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85
2.1	Kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	8
2.2	Kiến thức cơ sở ngành	27
2.3	Kiến thức chuyên ngành	36
2.3.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>	28

2.3.2	<i>Các học phần tự chọn</i>	8
2.4	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp/HP thay thế Khóa luận tốt nghiệp	14
Tổng số:		125

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ (chiếm 32,0%)

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 85 tín chỉ (chiếm 68 %)

Trong đó:

- *Phần lý thuyết 109 tín chỉ (chiếm 87,2%)*

- *Phần thực tập 08 tín chỉ (chiếm 6,4%)*

- *Khoá luận tốt nghiệp 08 tín chỉ (chiếm 6,4%)*

4. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện tuyển sinh theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo các quy định của Trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ: Thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 57/2012/TT ngày 27/12/2012 (Sửa đổi và bổ sung một số quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ).

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của Trường Đại học Việt Bắc.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Cách thức đánh giá chung toàn khóa

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ thông qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần (cả đạt và không đạt) mà sinh viên đăng ký trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D, tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D, mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

6.2. Cách thức đánh giá học phần

6.2.1. Đối với học phần lý thuyết (hoặc lý thuyết có thực hành môn học, tiểu luận, thảo

luận)

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: Điểm thi kết thúc học phần và Điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:

- Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận.

- Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

- Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

- Số lần kiểm tra thường xuyên: Khoa, tổ môn quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp và mức độ hoàn thành những nhiệm vụ do giảng viên giao, cụ thể như sau:

Theo thời gian tham gia học tập trên lớp:

° Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.

° Nghỉ học dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.

° Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 30% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.

° Nghỉ học từ 30% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.

° Nghỉ học từ 50% số tiết trong chương trình trở lên được tính: 0 điểm.

Theo mức độ hoàn thành những nhiệm vụ của giảng viên giao: Do giảng viên giảng dạy chủ động đánh giá, điểm số tối đa là 2 điểm.

- Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

6.2.2. Đối với các học phần thực hành

1. Điểm đánh giá bộ phận là điểm đánh giá các bài thực hành trong quá trình giảng dạy, điểm này được làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Số lần đánh giá các bài thực hành: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá

bộ phận trừ bài thi kết thúc học phần.

GHI CHÚ:

1. Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần được xác định như sau:

a) Đối với học phần lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, thí nghiệm, thảo luận: Điểm học phần được tính bằng 30% điểm quá trình cộng với 70% điểm thi kết thúc học phần;

b) Đối với học phần thực hành, thực tập: Điểm học phần là điểm trung bình của các điểm đánh giá bộ phận.

3. Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt: A (8,5 - 10)	Giỏi
B (7,0 - 8,4)	Khá
C (5,5 - 6,9)	Trung bình
D (4,0 - 5,4)	Trung bình yếu
b) Loại không đạt: F (3,0 - 3,9)	Kém

6.2.3. Đối với học phần Thực tập cuối khóa, làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp

1. Việc đánh giá mỗi đồ án, khóa luận tốt nghiệp được quy định trong văn bản riêng do Hiệu trưởng ban hành.

2. Điểm của đồ án, khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm theo quy định tại Điều 22 của Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 35/QĐ-ĐHVB, ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc. Kết quả chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 1 tuần, kể từ ngày nộp đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

3. Sinh viên có đồ án, khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

7. Nội dung chương trình:

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương (40 tín chỉ)

STT/Mã số HP	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số T C	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức	Ghi chú
7.1.1. Lý luận chính trị			11			
7PP301	1. Triết học Mác-Lê nin	LLCT	3	Khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; bản chất của nhận thức, thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và con người.	3 (33, 24, 45, 90)	
7PP202	2. Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	LLCT	2	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, tiền tệ; sự ra đời, tồn tại và các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản, những thành tựu và hạn chế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.	2(21,18 ,30,60)	

7PP203	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về quá trình hình chủ nghĩa xã hội, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, những vấn đề về chính trị - xã hội thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	2(21,18,30,60)	
7PP204	4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LLCT	2	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam thể hiện trên các lĩnh vực khác nhau như kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, đối ngoại	2(21,18,30,60)	
7PP205	5. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh nhằm tạo lập nền tảng xây dựng con người mới XHCN theo đường lối của ĐCS Việt Nam	2(21,18,30,60)	
7.1.2. Ngoại ngữ			12			
7FL406	1. Tiếng Anh 1	NN	4	Trang bị cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản bao gồm từ vựng, ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh làm nền tảng cho các học phần sau.	4(48,24,60,60,120)	
7FL407	2. Tiếng Anh 2	NN	4	Trang bị cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản bao gồm từ vựng, ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh làm nền tảng cho các học phần sau	4(48,24,60,60,120)	

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

7FL408	3. Tiếng Anh chuyên ngành	NN	4	Học phần trang bị cho sinh viên một lượng từ vựng, thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành luật nhất định, biết và sử dụng các từ chuyên ngành, các cấu trúc thường dùng trong từng trường hợp cụ thể. Ngoài ra, khi kết thúc học phần, sinh viên có thể sử dụng thành thạo các trích dẫn các vụ án cũng như đọc thành thạo một văn bản luật bằng tiếng Anh	4(48,24,60,60,120)	
7.1.3. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường			6			
7FS309	1. Tin học đại cương	CNTT	3	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về một số vấn đề truyền thông thông qua việc trình bày các văn bản và các tài liệu trình chiếu. Nó cũng giúp sinh viên tăng cường sự nhận thức về khả năng tổ chức, thống kê & tổng hợp dữ liệu của máy tính	2(26,8,30,60)	
7FS310	2. Môi trường và phát triển bền vững	KHCB	3	Trang bị kiến thức cơ bản về quá trình phát triển của con người và sự tương tác giữa con người với môi trường		
7.1.4. Khoa học xã hội và nhân văn			8			
	Bắt buộc		6			

7SH311	1. Logic học	KHCB	3	Trang bị những kiến thức cơ bản về logic học hình thức, nguồn gốc, bản chất, đặc điểm và quan hệ của các khái niệm phán đoán, suy luận, chứng minh logic thường dùng, mối liên hệ hữu cơ giữa logic học và triết học, các phương pháp nghiên cứu đặc thù của logic học hình thức, các quy luật logic cơ bản và vai trò, ý nghĩa quan trọng của logic học trong phát triển tư duy.	3(36,18,45,90)
7SH212	2. Khoa học quản lý đại cương	KHCB	2	Trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức cơ bản nhất về Khoa học lãnh đạo, quản lý gồm khái niệm lãnh đạo, quản lý, bản chất và vai trò của quản lý, mối quan hệ giữa lãnh đạo và quản lý. Đồng thời học phần cũng làm rõ được đối tượng và phương pháp nghiên cứu Khoa học lãnh đạo, quản lý.	2(26,8,30,60)
	Tự chọn		5/9		
7SH213	1. Xã hội học đại cương	KHCB	2	Trang bị kiến thức cơ bản về các lĩnh vực quan trọng của xã hội học đại cương, từ đó nắm vững các lĩnh vực phổ biến của xã hội học chuyên biệt và các lĩnh vực có liên quan đến tổ chức quản lý xã hội.	2(26,8,30,60)

7SH214	2. Phương pháp nghiên cứu khoa học	KHCB	2	Trang bị kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình nghiên cứu khoa học	2(26,8, 30,60)
7SH215	3. Tâm lý học đại cương	KHCB	2	Trang bị những kiến thức cơ bản về tâm lý người: các hiện tượng tâm lý người, các cơ sở, các quy luật nảy sinh, hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý người, lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em, đặc điểm phát triển tâm lý theo từng độ tuổi, các kiến thức về tâm lý học dạy học và giáo dục.	2(26,8, 30,60)
7SH316	4. Cơ sở văn hóa Việt Nam	KHCB	3	Cung cấp những vấn đề cơ bản về sự hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam. Trong đó gồm 5 chương, nhấn mạnh đến tổ chức đời sống tập thể và cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội.	3(36,18 ,45,90)
7.1.5. Giáo dục thể chất		GSTC&Q P	3	Sinh viên phải xác định được ý nghĩa, tác dụng của môn Giáo dục thể chất đối với con người. Trình bày được những kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện của một số môn thể thao được quy định trong trương trình, trên cơ sở đó tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân để học tập	

			và công tác tốt.		
7.1.6. Giáo dục quốc phòng-an ninh	GSTC&Q P	11	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.		

7.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (85 tín chỉ)

STT/Mã số HP	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức	Ghi chú
7.2.1. Kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành		8			
7LAW317	1. Lý luận Nhà nước về Pháp luật	3	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về nhà nước và pháp luật: về quy luật hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật; Những khái niệm, phạm trù cơ bản của nhà nước và pháp luật	3(36,18, 45,90)	

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

7LAW318	2. Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam và thế giới qua các thời kỳ.	3(36,18,45,90)	
7LAW219	3. Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại	2	Trang bị kiến thức căn bản về tranh chấp thương mại và giải quyết tranh chấp thương mại	2(26,8,30,60)	
STT/Mã số HP	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức	Ghi chú
7.2.2. Kiến thức cơ sở ngành		27			
7LAW320	1. Luật Hiến pháp Việt Nam	3	Trang bị kiến thức cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, chính sách đối ngoại, an ninh quốc phòng của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; quyền con người, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cơ chế bảo vệ các quyền và nghĩa vụ cơ bản, cơ cấu tổ chức, hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.	3(36,18,45,90)	
7LAW321	2. Luật Hành chính	3	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước như: các nguyên tắc cơ bản trong quản lý nhà nước VN, các chủ thể trong quan hệ pháp luật hành chính nhà nước VN, các phương thức và thủ tục hành chính nhà nước, vấn đề bảo đảm pháp chế trong quản lý nhà nước, ..	3(36,18,45,90)	

7LAW322	3. Luật dân sự	3	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nghĩa vụ dân sự, chủ thể của nghĩa vụ dân sự, căn cứ phát sinh nghĩa vụ dân sự	3(36,18, 45,90)	
7LAW323	4. Luật tố tụng dân sự	3	Cung cấp khái niệm, nhiệm vụ, nguồn của luật tố tụng dân sự; khái niệm, thành phần chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự và địa vị pháp lý của các chủ thể trong tố tụng dân sự và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; Xác định được các loại vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, phân định thẩm quyền giữa các Tòa án theo cấp và theo lãnh thổ.	3(36,18, 45,90)	
7LAW324	5. Luật hình sự	3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam, kiến thức về tội phạm, cấu thành tội phạm, khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm, vấn đề đồng phạm và các tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội.	3(36,18, 45,90)	

7LAW325	6. Luật tố tụng hình sự	3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự Việt Nam; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; chứng cứ và minh chứng trong luật tố tụng hình sự; những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự, khởi tố vụ án hình sự; điều tra vụ án hình sự, truy xét, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, thi hành bản án và quyết định của tòa án; xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật, thủ tục đặc biệt, thủ tục tố tụng đối với những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên và thủ tục rút gọn.	3(36,18,45,90)	
7LAW226	7. Luật hôn nhân và gia đình	2	Trang bị các kiến thức về luật hôn nhân và gia đình trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình, sự phát triển của luật hôn nhân gia đình, các chế định của hôn nhân và quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài.	2(26,8,30,60)	
7LAW327	8. Luật quốc tế	3	Trang bị cho sinh viên nắm được hệ thống pháp luật quốc tế để giải các hiện tượng xảy ra trong quan hệ quốc tế. Đồng thời có thể đưa ra các biện pháp giải quyết tranh chấp giữa các chủ thể của Luật Quốc tế.		
7LAW228	9. Kỹ năng đàm phán soạn thảo và	2	Trang bị đặc điểm của mỗi loại hợp đồng, các vấn đề cần lưu ý trong từng loại hợp đồng.	2(26,8,30,60)	

	ký kết hợp đồng dân sự				
7LAW229	10. Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	Trang bị các kiến thức cơ bản trong hoạt động tư vấn đặc biệt là tư vấn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân và các việc dân sự khi khách hàng có yêu cầu tư vấn. Trang bị cho sinh viên các thao tác trong hoạt động tư vấn và cách đưa ra lời khuyên giúp khách hàng lựa chọn các phương thức tối ưu trong giải quyết tranh chấp	2(26,8, 30,60)	
7.2.3. Kiến thức chuyên ngành		36			
	<i>Bắt buộc</i>	28			
7LAW330	1. Luật doanh nghiệp	3	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về công ty, địa vị pháp lý của công ty và phạm vi trách nhiệm của công ty. Giới thiệu các loại hình công ty theo pháp luật Việt Nam.	3(36,18, 45,90)	
7LAW331	2. Luật kinh tế	3	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chế định pháp luật quan trọng trong nền kinh tế của nước ta, thông qua đó sinh viên có khả năng nắm vững các qui định pháp luật trong hoạt động kinh doanh của các chủ thể và có thể áp dụng thực hiện trong công việc sau này tại các doanh nghiệp.	3(36,18, 45,90)	

7LAW332	3. Luật Lao động	3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật lao động và một số kiến thức chuyên sâu: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Bảo hiểm xã hội; Tiền lương, tiền công; Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động; Ký luật lao động và trách nhiệm vật chất	3(36,18, 45,90)	
7LAW333	4. Luật môi trường	3	Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về môi trường thuộc các lĩnh vực: kỹ thuật môi trường, địa môi trường, kinh tế môi trường, ... để có cơ sở khoa học tiếp cận ở mức có thể hiểu và áp dụng được các văn bản pháp quy kỹ thuật về môi trường.	3(36,18, 45,90)	
7LAW234	5. Luật chứng khoán	2	Cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lí của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, nội dung pháp lí chủ yếu trong kinh doanh chứng khoán và quản lí nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán.	2(26,8, 30,60)	
7LAW335	6. Luật thương mại	3	Trang bị những quy định của pháp luật về các hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam, bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm về thương nhân và về các hoạt động thương mại; Các hoạt động thương mại cụ thể; Quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại; Các chế tài trong hoạt động thương mại	2(26,8, 30,60)	

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

7LAW336	7. Luật đất đai	3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản mang tính lý luận về Luật đất đai, về chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai ở Việt Nam, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của người sử dụng đất, tranh chấp đất đai và khiếu nại hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai	3(36,18,45,90)	
7LAW337	8. Luật tài chính	3	Cung cấp các kiến thức cơ bản về tài chính và các quy định về tài chính, các quy định về nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp với nhà nước, cách phân tích tính đúng đắn về mối quan hệ tài chính của các khâu tài chính trong hệ thống tài chính. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các quy định của pháp luật vào trong các tình huống thực tế để giải quyết mối quan hệ giữa doanh nghiệp và nhà nước về nghĩa vụ tài chính, về các mối quan hệ phát sinh trong quá trình quản lý tài chính của nhà nước.	3(36,18,45,90)	
7LAW238	9. Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng	2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh, bao gồm những nội dung cơ bản: các lý thuyết về cạnh tranh trong kinh tế học, các quy định của luật cạnh tranh về hành vi cạnh tranh không lành mạnh, các quy định của luật cạnh tranh về hành vi hạn chế cạnh tranh, khái quát về cơ quan cạnh tranh và thủ tục tố tụng cạnh tranh	2(26,8,30,60)	
7LAW339	10. Luật ngân hàng	3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về hệ thống ngân hàng, những quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính.	3(36,18,45,90)	
	Tự chọn	8/16			

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

7LAW240	1. Luật kinh doanh bảo hiểm	2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và các quy định của pháp luật điều chỉnh đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam.	2(26,8, 30,60)	
7LAW241	2. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp và thủ tục đầu tư	2	Cung cấp kiến thức pháp lý . về thủ tục ĐKKD và thủ tục đầu tư theo quy định tại Luật đầu tư 2005, Luật doanh nghiệp 2005 và các căn cứ pháp luật khác có liên quan. Qua đó sinh viên có thể hiểu rõ và vận dụng được các kiến thức, kỹ năng thông qua thực tiễn công việc liên quan đến thủ tục ĐKKD và thủ tục đầu tư.	2(26,8, 30,60)	
7LAW242	3. Phá sản và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh	2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật phá sản, Khái quát về giải quyết tranh chấp hoạt động kinh doanh thương mại, Giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại	2(26,8, 30,60)	
7LAW243	4. Luật thuế	2	Trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về thuế để người học hiểu và nắm bắt đúng các khái niệm về đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế, những trường hợp không chịu thuế, căn cứ tính thuế, chế độ miễn giảm trong từng sắc thuế.	2(26,8, 30,60)	
7LAW244	5. Luật giao dịch điện tử	2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật cơ bản về loại hình kinh doanh phi giấy tờ được áp dụng phổ biến trên thế giới trong thời kì hội nhập kinh tế quốc tế. Sau khi học xong, người học có thể vận dụng những kiến thức pháp lí vào loại hình kinh doanh thương mại điện tử.	2(26,8, 30,60)	

7LAW245	6. Luật an sinh xã hội	2	Trang bị các vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng và ban hành, thực thi các quy định về an sinh xã hội. Bên cạnh các vấn đề lý luận chung cho hệ thống chính sách xã hội nhiều cấp độ để tất cả các thành viên trong xã hội đều được tương trợ giúp đỡ ở mức độ hợp lý khi bị giảm, mất thu nhập hoặc gặp các rủi ro, khó khăn trong cuộc sống.	2(26,8, 30,60)	
7LAW246	7. Luật sở hữu trí tuệ	2	Trang bị hệ thống các khái niệm cơ bản liên quan đến sở hữu trí tuệ; đặc trưng cơ bản của mỗi bộ phận của quyền sở hữu trí tuệ(quyền tác giả và quyền liên quan đến tác giả; quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng); các yếu tố của quan hệ pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng (chủ thể, khách thể, nội dung quyền); các căn cứ xác lập, chấm dứt quyền sở hữu trí tuệ, thời hạn bảo hộ đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ.	2(26,8, 30,60)	
7LAW247	8 Pháp luật kinh doanh bất động sản	2	Trang bị một cách cơ bản và chuyên sâu cho sinh viên kiến thức pháp luật về kinh doanh bất động sản	2(26,8, 30,60)	
CÁC HỌC THỰC TẬP, KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP (14 tín chỉ)					
7.2.3. Kiến thức tốt nghiệp		14			
7LAW648	1. Thực tập tốt nghiệp	6	Giúp sinh viên hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn của các tổ chức, doanh nghiệp.	6(0, 180, 180, 360)	

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

7LAW849	2. Khóa luận tốt nghiệp	8	Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngành Luật giúp cho sinh viên sau khi ra trường không chỉ theo đuổi mỗi nghề luật sư mà còn hướng hoạt động ở nhiều ngành khác như: Tư vấn pháp lý doanh nghiệp, chuyên viên pháp luật tại các cơ quan và tổ chức...	8(0, 240, 240, 480)	
<i>Học phần thay thế KLTN</i>		8			
7LAW450	1. Chuyên đề Dân sự nâng cao	4	Sinh viên hiểu và nắm được những nội dung chuyên sâu về pháp luật dân sự và các vấn đề dân sự mới phát sinh, các quy định của nhà nước mới ban hành trong lĩnh vực dân sự.	4(48,24, 60,120)	
7LAW451	2. Chuyên đề Kinh tế nâng cao	4	Sinh viên hiểu và nắm được những nội dung chuyên sâu và nâng cao về luật kinh tế, kỹ năng chuyên sâu để nhận biết và quản trị rủi ro pháp lý trong quan hệ kinh tế.	4(48,24, 60,120)	

8. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã môn	Tên môn học / học phần	Số TC	Kế hoạch giảng dạy / học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
	1.1	Kiến thức giáo dục đại cương	40									
	<i>1.1.1</i>	<i>Lý luận chính trị</i>	<i>11</i>									
1	7PP301	Triết học Mác - Lê nin	3	3								
2	7PP202	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2		2							
3	7PP203	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			2						
4	7PP204	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				2					

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

5	7PP205	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					2			
	1.1.2	<i>Ngoại ngữ</i>	12								
6	7FL406	Tiếng Anh 1	4	4							
7	7FL407	Tiếng Anh 2	4		4						
8	7FL408	Tiếng Anh chuyên ngành	4			4					
	1.1.3	<i>Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường</i>	6								
9	7FS309	Tin học đại cương	3	3							
10	7FS310	Môi trường và phát triển bền vững	3		3						
	1.1.4	<i>Khoa học xã hội và nhân văn</i>	11								
	1.1.4.1	<i>Bắt buộc</i>	6								
11	7SH311	Lôgic học	3		3						
12	7SH312	Khoa học quản lý đại cương	3			3					
	1.1.4.2	<i>Tự chọn</i>	5/9								
13	7SH213	Xã hội học đại cương	2	2							
14	7SH214	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2							
15	7SH215	Tâm lý học đại cương	2	2							
16	7SH316	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3		3						
17		<i>Giáo dục thể chất</i>		2	1						
18		<i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i>						11			
	2.1	<i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i>	85								
		<i>7.2.1. Kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành</i>	8								
19	7LAW317	Lý luận Nhà nước về Pháp luật	3	3							
20	7LAW318	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	3		3						

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

21	7LAW219	Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại	2			2				
		7.2.2. Kiến thức cơ sở ngành	27							
22	7LAW320	Luật Hiến pháp Việt Nam	3			3				
23	7LAW321	Luật Hành chính	3			3				
24	7LAW322	Luật dân sự	3				3			
25	7LAW323	Luật tố tụng dân sự	3					3		
26	7LAW324	Luật hình sự	3				3			
27	7LAW325	Luật tố tụng hình sự	3					3		
28	7LAW226	Luật hôn nhân và gia đình	2						2	
29	7LAW327	Luật quốc tế	3						3	
30	7LAW228	Kỹ năng đàm phán soạn thảo và ký kết hợp đồng dân sự	2					2		
31	7LAW229	Kỹ năng tư vấn pháp luật	2							2
		7.2.3. Kiến thức chuyên ngành	36							
		<i>Bắt buộc</i>	28							
32	7LAW330	Luật doanh nghiệp	3				3			
33	7LAW331	Luật kinh tế	3				3			
34	7LAW332	Luật lao động	3					3		
35	7LAW333	Luật môi trường	3					3		
36	7LAW234	Luật chứng khoán	2						2	
37	7LAW335	Luật thương mại	3						3	
38	7LAW336	Luật đất đai	3						3	
39	7LAW337	Luật tài chính	3							3
40	7LAW238	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng	2							2
41	7LAW339	Luật ngân hàng	3							3
		<i>Tự chọn</i>	8/16							
42	7LAW240	Luật kinh doanh bảo hiểm	2				2			
43	7LAW241	Thủ tục đăng ký doanh nghiệp và thủ tục đầu tư	2				2			

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành LUẬT

44	7LAW242	Phá sản và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh	2						2	
45	7LAW243	Luật thuế	2						2	
46	7LAW244	Luật giao dịch điện tử	2							2
47	7LAW245	Luật an sinh xã hội	2							2
48	7LAW246	Luật sở hữu trí tuệ	2							2
49	7LAW247	Pháp luật kinh doanh bất động sản	2							2
	2.2.3	Kiến thức tốt nghiệp	14							
	2.2.3.1	Thực tập tốt nghiệp	6							
50	7LAW648	Thực tập tốt nghiệp	6							6
	2.2.3.2	Tốt nghiệp (chọn 1 trong 2 hình thức)	8							
51	7LAW849	Khóa luận tốt nghiệp	8							8
		<i>Học phân thay thế khóa luận tốt nghiệp (SV chọn 2 trong 4 chuyên đề sau)</i>	8							
52	7LAW450	Chuyên đề Dân sự nâng cao	4							4
53	7LAW451	Chuyên đề Kinh tế nâng cao	4							4
Tổng			125	15	18	17	16	16	15	1 4 14

9. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

9.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1. Triết học Mác- Lênin (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3 (33, 24, 45, 90)

- **Học phần học trước:** Không

- **Tóm tắt nội dung học phần:** Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 2(21,18,30,60)

- **Học phần học trước**: Triết học Mác- Lênin

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm các nội dung sau:

- Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin; đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

- Sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hóa; nguồn gốc, bản chất và chức năng cơ bản của tiền; dịch vụ và các hàng hóa đặc biệt; thị trường và các chủ thể tham gia thị trường.

- Sự sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản; sự tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư.

- Lý luận của Lênin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; vấn đề độc quyền và độc quyền nhà nước.

- Tính tất yếu khách quan và đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

- Công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên,

khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 2(21,18,30,60)

- **Học phần học trước:** Triết học Mác- Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học bao gồm các nội dung sau:

- Vị trí học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học; phạm vi và đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học; chức năng và ý nghĩa học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa, Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.

- Khái niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó. Nội dung và điều kiện khách quan qui định sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân. Vai trò của Đảng cộng sản trong việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam.

- Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Cải cách nhà nước trong quá trình đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.

- Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tính tất yếu của liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung của liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Dân tộc và hai xu hướng khách quan của phong trào dân tộc. Nội dung Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin. Vấn đề dân tộc ở Việt Nam và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

- Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo. Vấn đề tôn giáo trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Vấn đề tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

- Gia đình, mối quan hệ gia đình và xã hội. Những điều kiện và tiền đề xây dựng gia đình trong chủ nghĩa xã hội.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

- c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 2(21,18,30,60)

- **Học phần học trước:** Triết học Mác- Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức bao gồm trong nội dung 8 chương: Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của học phần là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

- c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 2(21,18,30,60)

- **Học phần học trước:** Triết học Mác- Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nội dung gồm 7 chương: chương I, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương II đến chương VII trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

6. Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 4(48,24,60,60, 120)

- **Học phần học trước** : Không có

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Tiếng Anh cơ sở 1 là môn học tiếng Anh đầu tiên bắt buộc đối với các sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau của Đại học Việt Bắc. Tiếng Anh cơ sở 1 tương đương với trình độ A, hay Elementary theo hệ thống giảng dạy tiếng Anh quốc tế cho người nước ngoài. Môn học này được thiết kế nhằm giới thiệu những kiến thức ngữ pháp và tiến tới trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực hành tiếng cơ bản nhất như phát âm chuẩn, nghe, nói, đọc, viết. Môn học này giúp sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh cho những giao tiếp hàng ngày và chuẩn bị để tiếp tục học các môn học Tiếng Anh nâng cao tiếp theo.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

7. Tiếng Anh 2 (4 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 4(48,24,60,60, 120)

- **Học phần học trước** : Tiếng Anh cơ bản 1

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Tiếng Anh cơ sở 2 là môn học tiếp sau Tiếng Anh cơ sở và là môn học tiền đề

cho Tiếng Anh chuyên ngành đối với các sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau của Đại Học Việt Bắc. Sinh viên sẽ được củng cố và mở rộng, phát triển các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp cũng như các kỹ năng ngôn ngữ đã học trong Tiếng Anh cơ sở 1.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

8. Tiếng Anh chuyên ngành (4 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 4(48,24,60,60, 120)

- **Học phần học trước** : Tiếng Anh cơ bản 2

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Tiếng Anh chuyên ngành là môn học tiếp sau Tiếng Anh cơ sở 2. Sinh viên sẽ được củng cố và mở rộng, phát triển các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp cũng như các kỹ năng ngôn ngữ đã học trong Tiếng Anh cơ sở 2.

- **Hoạt động giảng dạy**: Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần** : Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

9. Tin học đại cương (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước** : Không

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần này giới thiệu phần mềm máy tính Microsoft Word, Microsoft PowerPoint & Microsoft Excel. Sinh viên sẽ được rèn luyện để hoàn thiện kỹ năng và

biến chúng thành các công cụ hữu ích hỗ trợ hiệu quả cho việc học tập tất cả các học phần khác cũng như cho việc đi làm sau này.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần** : Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm và thực hành trên máy tính

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

10. Môi trường và phát triển bền vững (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước** : Không

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Môn học cung cấp và trình bày các kiến thức về sự phát triển của con người gắn liền với sự tác động vào môi trường, hậu quả của sự tác động đó ngược trở lại đối với con người; đồng thời giới thiệu các khái niệm về sinh thái, tài nguyên, môi trường. Sinh viên cũng được giới thiệu các biện pháp cơ bản để bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên mà đỉnh cao của nó là phát triển bền vững – một sự kết hợp hài hòa và tối ưu cho sự phát triển của con người trong khi vẫn bảo vệ được môi trường tự nhiên và xã hội.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

11. Logic học (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước** : Không

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng của Logic học, ba hình thức cơ bản và ba quy luật cơ bản của logic hình thức; suy luận, suy diễn, quy nạp, tương tự, chứng minh, bác bỏ và giả thuyết.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

12. Khoa học quản lý đại cương (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước** : Không

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức cơ bản nhất về Khoa học lãnh đạo, quản lý gồm khái niệm lãnh đạo, quản lý, bản chất và vai trò của quản lý, mối quan hệ giữa lãnh đạo và quản lý. Đồng thời học phần cũng làm rõ được đối tượng và phương pháp nghiên cứu Khoa học lãnh đạo, quản lý.

Học phần tập trung làm rõ những nội cơ bản của quá trình lãnh đạo, quản lý như các nguyên tắc và phương pháp quản lý; chức năng lập kế hoạch và ra quyết định trong lãnh đạo, quản lý; chức năng kiểm tra trong lãnh đạo, quản lý. Đồng thời cũng làm rõ những thông tin trong quá trình lãnh đạo, quản lý.

Việc học tập và nghiên cứu các nguyên lý, các quy luật và các phạm trù của khoa học lãnh đạo, quản lý sẽ giúp cho sinh viên có được những cơ sở lý luận và phương pháp luận để nhận thức một cách đúng đắn về môn học. Mặt khác hình thành ở người học các kỹ năng trong giao tiếp, làm việc nhóm phục vụ công tác tổ chức, quản lý trong quá trình làm việc.

- **Hoạt động giảng dạy**: Kết hợp giữa thuyết trình và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

- c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

13. Xã hội học đại cương (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước :** Không

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về các lĩnh vực quan trọng của xã hội học như: con người và xã hội, cấu trúc xã hội, văn hoá và biến đổi xã hội.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

- c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

14. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước :** Không

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần gồm 8 chương, cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học, về phương pháp, kỹ năng nghiên cứu khoa học,...

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

- c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

15. Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước :** Không

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần gồm 2 phần: Tâm lý học đại cương, Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm.

Tâm lý học đại cương đề cập đến các hiện tượng tâm lý chung nhất của con người, các quy luật nảy sinh, hình thành và biểu hiện của các hiện tượng tâm lý đó. Đồng thời tâm lý học đại cương cũng cung cấp các kiến thức làm cơ sở cho việc học tập và nghiên cứu các chuyên ngành của khoa học tâm lý cũng như các môn học có liên quan.

Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm cung cấp các quy luật của sự phát triển tâm lý trẻ em, các cơ chế, các đặc điểm của sự phát triển tâm lý trong các độ tuổi khác nhau cũng như các quy luật tâm lý chi phối quá trình dạy học và giáo dục

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

16. Cơ sở văn hóa Việt Nam (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước :** Không

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần cung cấp sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa, đặc trưng văn hóa. Nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa; các thành tố văn hóa; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

9.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

9.2.1. Kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành

1. Lý luận Nhà nước và pháp luật (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước :** Không

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Đây là môn học nghiên cứu những vấn đề chung nhất và cơ bản nhất, mang tính toàn diện và hệ thống các tri thức về nhà nước và pháp luật, nghiên cứu bản chất, vai trò xã hội, qui luật phát sinh, tồn tại và phát triển của hai hiện tượng xã hội này. Ngoài ra, Lý luận Nhà nước và Pháp luật cũng nghiên cứu những nét cơ bản nhất về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Đây cũng là môn học nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống nhất các khái niệm, phạm trù, các nguyên tắc và các qui luật về nhà nước và pháp luật.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

2. Lịch sử Nhà nước và pháp luật (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước :** Lý luận Nhà nước và pháp luật

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Môn học lịch sử nhà nước và pháp luật gồm 2 phần:

Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam: nghiên cứu những nội dung cơ bản về quá trình hình thành, vận động và phát triển của nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Trang bị cho người học một cách toàn diện về quá trình hình thành, xây dựng và phát triển của nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam nhằm

góp phần hoạch định đường lối, chính sách trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

3. Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước** : Lý luận Nhà nước và pháp luật

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần bao gồm: Khái niệm và đặc điểm tranh chấp thương mại; Sơ lược pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại; Nhận diện quan hệ tranh chấp; Các phương thức giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hòa giải, trọng tài và giải quyết bằng tòa án.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

9.2.2. Kiến thức cơ sở ngành

1. Luật hiến pháp Việt Nam (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước**: Lý luận Nhà nước và pháp luật

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Môn học cung cấp những kiến thức về khoa học luật hiến pháp, ngành luật hiến pháp, chế định về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, an

ninh quốc phòng những vấn đề cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trong lịch sử lập hiến Việt Nam và pháp luật hiện hành, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên trong nghiên cứu các khoa học pháp lý tiếp theo.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

2. Luật hành chính (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước**: Lý luận Nhà nước và pháp luật, Lịch sử Nhà nước và pháp luật

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Luật hành chính cung cấp kiến thức cơ bản sau:

Một số vấn đề chung của Luật hành chính: đặc điểm quản lý hành chính nhà nước, các nguyên tắc cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước, các hình thức quản lý, đối tượng điều chỉnh của luật hành chính, phương pháp điều chỉnh của luật hành chính

Chủ thể Luật hành chính Việt Nam (Cơ quan HCNN, cán bộ, công chức nhà nước, tổ chức xã hội, cá nhân)

Trách nhiệm hành chính: vi phạm hành chính, các hình thức xử phạt hành chính

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

3. Luật dân sự (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước :** Lý luận Nhà nước và pháp luật, Lịch sử Nhà nước và pháp luật

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần giúp sinh viên nhận thức và lĩnh hội kiến thức của những nội dung chính sau đây: khái niệm, nhiệm vụ, nguồn và các nguyên tắc cơ bản của luật dân sự Việt Nam; hệ thống luật dân sự Việt Nam; phân biệt Luật dân sự với các ngành luật khác, khoa học luật dân sự, quan hệ pháp luật dân sự, chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, đại diện trong quan hệ pháp luật dân sự, thời hạn, thời hiệu.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHVB trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

4. Luật tố tụng dân sự (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước:** Lý luận Nhà nước và pháp luật, Lịch sử Nhà nước và pháp luật, Luật dân sự

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp kiến thức về trình tự, thủ tục yêu cầu và giải quyết yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, cơ quan và tổ chức tại Tòa án

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHVB trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

5. Luật hình sự (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước :** Lý luận Nhà nước và pháp luật, Lịch sử Nhà nước và pháp luật

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần giúp sinh viên nhận thức và lĩnh hội kiến thức; khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam, tội phạm, cấu thành tội phạm, khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm, vấn đề đồng phạm và các tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

6. Luật tố tụng hình sự (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước:** Lý luận Nhà nước và pháp luật, Lịch sử Nhà nước và pháp luật, Luật hình sự.

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần giúp sinh viên nhận thức và lĩnh hội kiến thức của những nội dung chính sau đây: khái niệm, nhiệm vụ, nguồn và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự Việt Nam, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; chứng cứ và minh chứng trong luật tố tụng hình sự; những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự, khởi tố vụ án hình sự; điều tra vụ án hình sự, truy xét, xét sử sơ thẩm, xét sử phúc thẩm, thi hành bản án và quyết định của tòa án; xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật, thủ tục đặc biệt, thủ tục tố tụng đối với những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên và thủ tục rút gọn

Hoạt động giảng dạy : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).
- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

7. Luật hôn nhân và gia đình (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước :** Lý luận Nhà nước và pháp luật, Lịch sử Nhà nước và pháp luật, Luật dân sự.

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần giúp sinh viên trang bị các kiến thức về luật hôn nhân và gia đình trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình, sự phát triển của luật hôn nhân gia đình, các chế định của hôn nhân và quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).
- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

8. Luật quốc tế (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước :** Các môn cơ bản

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần giúp sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật quốc tế:

Nguồn gốc, khái niệm, đặc trưng, cấu trúc, quy phạm và bản chất của luật quốc tế

Phân biệt luật quốc tế và luật quốc gia

Mối quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế với luật quốc gia

Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế

Hệ thống và đặc điểm của nguồn luật quốc tế

Những nội dung cơ bản về dân cư, lãnh thổ - biên giới quốc gia

Trách nhiệm pháp lý quốc tế

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

9. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng dân sự (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước** : Luật dân sự

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Hợp đồng được điều chỉnh bởi nhiều ngành luật khác nhau. Có nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định về hợp đồng, trong đó Bộ luật dân sự được coi là luật chung. Ngoài ra, mỗi loại hợp đồng còn được điều chỉnh bởi các luật chuyên ngành, chẳng hạn: hợp đồng bảo hiểm được điều chỉnh bởi Luật kinh doanh bảo hiểm, hợp đồng về nhà ở được điều chỉnh bởi Luật nhà ở, một số hợp đồng trong thương mại được điều chỉnh bởi Luật thương mại...

Môn học nhằm hướng dẫn cho người học các kỹ năng khi đàm phán hợp đồng, kỹ năng soạn thảo và ký kết hợp đồng sao cho hợp đồng luôn mang tính cụ thể, minh bạch, được pháp luật thừa nhận và là cơ sở bảo đảm quyền lợi của các bên.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

10. Kỹ năng tư vấn pháp luật (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước** : Luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hình sự

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản của hoạt động tư vấn pháp luật, các yêu cầu của hoạt động tư vấn, các bước tiến hành tư vấn pháp luật trong hoạt động tư vấn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong các vụ án về tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp về hoạt động mua bán nhà, vụ án về ly hôn, vụ án về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, việc về thuận tình ly hôn hay hủy kết hôn trái pháp luật, ...

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

9.2.3. Kiến thức chuyên ngành

1. Luật doanh nghiệp (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước** : Các môn cơ bản

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Môn học giúp sinh viên nắm bắt những quy định của pháp luật về thủ tục thành lập công ty, các ngành nghề lĩnh vực kinh doanh có điều kiện, các loại hình công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh, địa vị pháp lý của công ty.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

2. Luật kinh tế (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước** : Các môn cơ bản

- Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và tổng quát nhất về những chế định pháp luật kinh tế như doanh nghiệp, quan hệ hợp đồng, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, ...

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

3. Luật lao động (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước** : Luật dân sự

- Tóm tắt nội dung học phần:

Giúp sinh viên hiểu rõ Quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường, cụ thể:

Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật lao động Những nguyên tắc của ngành luật.

Sơ lược về lịch sử Luật lao động Việt Nam từ cách mạng tháng 8 đến nay Quan hệ pháp luật lao động.

Giới thiệu khái quát về các chế định cơ bản của Luật lao động.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

4. Luật môi trường (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước**: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật dân sự, Luật tố

tụng dân sự

- Tóm tắt nội dung học phần

- Một số khái niệm cơ bản về môi trường thuộc các lĩnh vực: kỹ thuật môi trường, địa môi trường, kinh tế môi trường ... để có cơ sở khoa học tiếp cận ở mức có thể hiểu và áp dụng được các văn bản pháp quy kỹ thuật về môi trường và thấy được mối quan hệ khoa học pháp lý về môi trường với các khoa học khác về môi trường.

Giới thiệu cho sinh viên những quy định của pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế về môi trường, trang bị cho sinh viên những kỹ năng tìm kiếm văn bản pháp luật về môi trường.

- Hoạt động giảng dạy : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- Phương pháp đánh giá học phần: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

5. Luật chứng khoán (2 tín chỉ)

- Phân bố thời gian học tập: 2(26,8,30,60)

- Học phần học trước: Không

- Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học gồm những vấn đề chính sau đây:

Những vấn đề cơ bản về luật chứng khoán Pháp luật về chào bán chứng khoán Pháp luật về tổ chức thị trường chứng khoán Pháp luật về chủ thể kinh doanh chứng khoán Pháp luật về kinh doanh chứng khoán

Pháp luật về quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán Pháp luật về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán.

- Hoạt động giảng dạy : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- Phương pháp đánh giá học phần: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên,

khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

6. Luật thương mại (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước :** Các môn cơ bản

- **Tóm tắt nội dung học phần:** **phần**

Học phần cung cấp kiến thức luật về các hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam, bao gồm những nội dung sau:

Khái niệm về thương nhân và các hoạt động thương mại Các hoạt động thương mại cụ thể

Quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại Các chế tài trong hoạt động thương mại

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

7. Luật đất đai (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước :** Luật dân sự

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần giúp sinh viên nhận thức và lĩnh hội kiến thức của những nội dung chính sau đây: Tính đặc thù của chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai, khái niệm, nguyên tắc cơ bản của Luật đất đai, nội dung quản lý nhà nước về đất đai, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của người sử dụng đất, đặc biệt là các quyền giao dịch và các nghĩa vụ tài chính, chủ thể và hình thức sử dụng đất, tranh chấp đất đai và khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

- **Hoạt động giảng dạy:** Kết hợp giữa thuyết trình và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

8. Luật tài chính (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước :** Luật hiến pháp, Luật dân sự

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần giúp sinh viên có kiến thức lý luận về lĩnh vực tài chính nói chung và tài chính công nói riêng và các quy định pháp luật về tạo lập, sử dụng, phân phối quỹ ngân sách nhà nước cũng như các quy định về kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực ngân sách nhà nước, các nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp, cá nhân với nhà nước.

Sinh viên nắm bắt được những quy định của pháp luật tài chính để có thể đưa ra những quyết định liên quan đến lĩnh vực tài chính đúng pháp luật.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

9. Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước :** Các môn cơ bản

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Môn học giúp sinh viên nhận thức và lĩnh hội kiến thức của những vấn đề chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh, pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh, pháp luật về kiểm soát độc quyền, thủ tục tố tụng cạnh tranh.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

10. Luật ngân hàng (3 tín chỉ)

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36,18,45,90)

- *Học phần học trước* : Các môn cơ bản

- *Tóm tắt nội dung học phần*

Luật ngân cung cấp những kiến thức cơ bản về quy định pháp lí liên quan đến các chủ thể hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh ngân hàng, tài chính, thị trường chứng khoán.

- *Hoạt động giảng dạy* : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- *Phương pháp đánh giá học phần*: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

11. Luật kinh doanh bảo hiểm (2 tín chỉ)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,30,60)

- *Học phần học trước* : Luật dân sự

- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Khi nghiên cứu môn pháp luật kinh doanh bảo hiểm, sinh viên phải nắm bắt những nội dung sau đây:

Khái niệm, bản chất, vai trò và các loại hình của bảo hiểm thương mại.

Khái niệm kinh doanh bảo hiểm và các nguyên tắc của hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Địa vị pháp lý của các chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm gồm: Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và đại lý bảo hiểm.

Quan hệ pháp luật kinh doanh bảo hiểm, các điều kiện để trở thành chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật kinh doanh bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của các bên.

Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của hợp đồng bảo hiểm, nội dung của hợp đồng bảo hiểm, các quy định của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm vô hiệu, chấm dứt hiệu lực pháp lý của hợp đồng bảo hiểm.

Quy định của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự, hợp đồng bảo hiểm tài sản và hợp đồng bảo hiểm con người.

Quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm bao gồm kiểm tra trước khi hoạt động, giám sát trong quá trình hoạt động, xử phạt vi phạm hành chính.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30%.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

12. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp và thủ tục đầu tư (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước** : Luật doanh nghiệp

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Môn học nghiên cứu về thủ tục ĐKKD và thủ tục đầu tư, cụ thể xác định đối tượng chủ thể tham gia, các nguyên tắc và nghiệp vụ lập hồ sơ ĐKKD và hồ sơ dự án đầu tư. Các quy định pháp lý hiện hành về thủ tục ĐKKD và thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành. Các quy định về đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung ĐKKD, các quy định pháp luật về hồ sơ và trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư, thủ tục đầu tư gắn với việc thành lập tổ chức kinh tế mới tại Việt Nam, về thay đổi điều chỉnh dự án đầu tư

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

- c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

13. Phá sản và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh (2 tín chỉ)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,30,60)

- *Học phần học trước* : Luật doanh nghiệp

- *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học Phá sản và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh giúp sinh viên nắm bắt các quy định về pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bao gồm những nội dung cơ bản: Khái niệm phá sản; trình tự, thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; các quyền và nghĩa vụ của chủ thể tiến hành phá sản và chủ thể tham gia quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

- *Hoạt động giảng dạy* : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- *Phương pháp đánh giá học phần*: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

- c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

14. Luật thuế (2 tín chỉ)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,30,60)

- *Học phần học trước* : Luật hành chính, Luật hình sự, Luật dân sự

- *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn Luật thuế bao gồm những nội dung cơ bản sau đây: khái niệm, vai trò và cách thức phân loại thuế, bản chất pháp lý của những yếu tố cơ bản cấu thành nên một sắc thuế. Các nguyên tắc và yêu cầu của việc xây dựng hệ thống pháp luật thuế Việt Nam, các đặc trưng cơ bản của các sắc thuế: giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu - xuất khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, nội dung quy định của pháp luật đối với các sắc thuế nêu trên, chế độ pháp lý về xử lý vi phạm pháp luật thuế.

- *Hoạt động giảng dạy* : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- *Phương pháp đánh giá học phần*: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

- a) Điểm học phần được xác định:
 - Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).
 - Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)
- b) Hình thức thi: Tự luận.
- c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

15. Luật giao dịch điện tử (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước :** Các môn cơ bản

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần giới thiệu cho sinh viên biết loại hình kinh doanh thương mại điện tử đã và đang được áp dụng tại Việt Nam. Giới thiệu pháp luật về giao dịch điện tử, kỹ năng giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

- a) Điểm học phần được xác định:
 - Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).
 - Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)
- b) Hình thức thi: Tự luận.
- c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

16. Luật an sinh xã hội (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước :** Các môn cơ bản

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức, hiểu biết về các chính sách của nhà nước thông qua hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực an sinh xã hội: chế độ thai sản, hưu trí, tử tuất, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ trợ cấp, chế độ ưu đãi người có công cách mạng, các đối tượng xã hội để áp dụng trong thực tiễn ở các cơ quan, tổ chức cho đúng với chính sách pháp luật.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

- a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).
- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

17. Luật sở hữu trí tuệ (2 tín chỉ)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,30,60)

- *Học phần học trước* : Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Luật sở hữu trí tuệ bảo vệ quyền tài sản của nhân thân của cá nhân, tổ chức liên quan đến tài sản trí tuệ loại tài sản đặc biệt phát huy từ hoạt động sáng tạo trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, khoa học, sản xuất kinh doanh. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã được chứng minh là công cụ đặc lực cho phát triển kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế tri thức mà Việt Nam đang hướng đến. Việc công nhận và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, kĩ thuật, đổi mới khoa học, công nghệ, bảo đảm phân chia và sử dụng hiệu quả tài sản trí tuệ, hài hòa lợi ích giữa chủ thể sáng tạo, đầu tư và các chủ thể khác xã hội.

Đào tạo về sở hữu trí tuệ trong các trường đại học, đặc biệt là khối các trường đào tạo chuyên ngành luật đã trở thành xu hướng tất yếu hiện nay trên thế giới. Môn học luật nhằm trang bị cho sinh viên chuyên ngành luật những kiến thức lí luận nền tảng về việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đồng thời tạo cơ sở cho sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng ứng dụng pháp luật sở hữu trí tuệ để giải quyết vấn đề thực tiễn.

- *Hoạt động giảng dạy* : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- *Phương pháp đánh giá học phần*: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).
- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

18. Pháp luật kinh doanh bất động sản (2 tín chỉ)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26,8,30,60)

- *Học phần học trước* : Luật đất đai

- Tóm tắt nội dung học phần

Môn học giúp sinh viên nắm bắt một cách cơ bản các lĩnh vực pháp luật cần thiết khác như pháp luật kinh tế, dân sự, tài chính, ...

- **Hoạt động giảng dạy:** Kết hợp giữa thuyết trình và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

9.3. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp

9.3.1. Thực tập tốt nghiệp (6 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 6(0, 180, 180, 360)

- **Học phần học trước:** Đã học xong các học phần

- Tóm tắt nội dung học phần:

Tùy theo năng lực, sinh viên thực tập tại các tổ chức, doanh nghiệp như: công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã... hoặc các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế như sở công thương, sở kế hoạch đầu tư, sở tài nguyên môi trường... các cơ quan tổ tụng, các văn phòng luật sư, công ty luật, văn phòng tư vấn pháp lý.

Nội dung thực tập tốt nghiệp cần tập trung đi vào thực tiễn những điểm sau:

1. Tìm hiểu tình hình chung về doanh nghiệp

- Lịch sử hình thành doanh nghiệp

- Hình thức sở hữu của doanh nghiệp

- Lĩnh vực, ngành nghề hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp

- Bộ máy tổ chức quản lý doanh nghiệp

- Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp

2. Những chủ đề

- Những nội dung cơ bản trong pháp luật dân sự như: tài sản và quyền sở hữu, nghĩa vụ và hợp đồng, thừa kế, trách nhiệm bồi thường thiệt hại

- Pháp luật về doanh nghiệp: quan hệ nội bộ doanh nghiệp - quản lý vốn, chuyển nhượng vốn, vấn đề hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý doanh nghiệp, những vấn đề liên quan đến tổ chức lại, chuyển đổi, mua lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp

- Pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp và những giải pháp bảo hộ hiệu quả quyền sở hữu công nghiệp tại doanh nghiệp

- Pháp luật về quản lý và sử dụng lao động tại doanh nghiệp
- Pháp luật về hợp đồng kinh doanh thương mại
- Tố tụng tòa án và trọng tài thương mại
- Luật thương mại năm 2005 - Các loại hành vi thương mại
- Pháp luật về cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh
- Pháp luật về quản lý nhà nước về kinh tế

- Đánh giá kết quả báo cáo thực tập

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 20%
- Điểm đánh giá của cơ sở thực tập: trọng số 20%
- Điểm trình bày báo cáo thực tập: trọng số 60%

9.3.2. Khóa luận tốt nghiệp (8 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** : 8(0, 240, 240, 480)
- **Học phần học trước:** Đã học xong các học phần và Thực tập tốt nghiệp.
- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngành Luật nói chung giúp cho sinh viên sau khi ra trường không chỉ theo đuổi mỗi nghề luật sư mà còn hướng hoạt động ở nhiều ngành khác như: Tư vấn pháp lý doanh nghiệp, chuyên viên pháp luật tại các cơ quan và tổ chức...ngoài ra còn đủ chuẩn để dự thi và theo học ở các bậc cao hơn về Luật học như: Thạc sĩ, nghiên cứu sinh tại các cơ sở trong và ngoài nước, chuẩn để tiếp tục đào tạo các khóa đào tạo nghiệp vụ chức danh tư pháp (Thẩm phán, Luật sư, Thư ký tòa án, Kiểm soát viên, Công chứng viên, Chấp hành viên...) và tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học liên quan lĩnh vực Luật học, quản lý hành chính nhà nước.

- Đánh giá kết quả khóa luận tốt nghiệp

- Điểm giảng viên hướng dẫn: trọng số 20%
- Điểm giảng viên phản biện: trọng số 20%
- Điểm trung bình cộng của hội đồng bảo vệ khóa luận: trọng số 60%

9.3.3. Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp (8 tín chỉ)

1. Chuyên đề dân sự nâng cao (4 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 4(48,24,60,120)
- **Học phần học trước :** Đã học xong các học phần và Thực tập tốt nghiệp.
- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Môn học này cung cấp những kiến thức chuyên sâu và nâng cao về nội dung của pháp luật dân sự, những vấn đề dân sự mới phát sinh trong thực tiễn liên quan đến quyền nhân thân, tài sản, quyền sở hữu. Học phần được nghiên cứu trong mối quan hệ với các học phần cơ sở ngành khác của pháp luật dân sự.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

2. Chuyên đề Kinh tế nâng cao (4 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 4(48,24,60,120)

- **Học phần học trước** : Đã học xong các học phần và Thực tập tốt nghiệp.

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Môn học này cung cấp những kiến thức chuyên sâu và nâng cao về nội dung của Luật kinh tế và điều kiện vận dụng luật kinh tế, với tư cách là một công cụ quản lý nhà nước cũng như một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở hệ thống các quy phạm luật kinh tế, học phần đi sâu nghiên cứu quy định pháp luật về công ty, các hoạt động thương mại, cạnh tranh và đầu tư.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

10.1. Khoa Luật

Xếp lịch dạy học: Khi xây dựng lịch dạy học cho mô hình quản lý theo hệ thống tín chỉ, phòng đào tạo cần phân định rõ các học phần/tín chỉ độc lập hay phụ thuộc:

- Các học phần độc lập: Là các học phần không cần điều kiện học trước và sự nhận thức chung không cần đến các kiến thức của các học phần khác (học phần trước).

Do vậy có thể bố trí dạy các học phần này vào bất cứ thời điểm nào trong quá trình đào tạo. Đó là các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và một số học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

- Các học phần phụ thuộc là những học phần cần trang bị trước những kiến thức của một hay một số học phần khác thì sinh viên mới có thể nhận thức được. Do đó cần bố trí các học phần này theo trình tự logic trước - sau một cách rõ ràng.

- Các học phần còn lại không có điều kiện học trước, nhưng phải học xong trước thực tập tốt nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa học bao gồm: Kế hoạch tiến độ, kế hoạch thi, kế hoạch các mốc công việc trong suốt khóa học.

- Phân thời khóa biểu khoa học, đúng quy định, không học dồn...

- Theo dõi, nhắc nhở khoa, giáo viên, sinh viên thực hiện đúng các nội dung trong chương trình.

- Tổ chức thi để đánh giá kết quả giảng dạy và học tập.

- Hướng dẫn quy chế - đào tạo cho sinh viên, giảng viên tư vấn.

- Lập hội đồng bảo vệ khóa luận tốt nghiệp/thi tốt nghiệp và lập hồ sơ xét tốt nghiệp cho sinh viên.

- Thông báo cho sinh viên biết trước các thông tin liên quan đến dạy - học ngay từ đầu khóa học:

+ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

+ Danh sách giảng viên lý thuyết, thực hành tại trường.

+ Các học phần bắt buộc.

+ Các học phần tự chọn.

+ Các học phần phụ thuộc/độc lập.

+ Các học phần được giảng dạy trong từng học kỳ để sinh viên đăng ký.

+ Đề cương học phần/Học phần.

+ Hình thức/phương pháp thi/đánh giá kết quả học tập.

+ Tài liệu học tập.

+ Tổ chức phân công cán bộ tư vấn cho các lớp, tư vấn giải quyết các đăng ký lựa chọn học phần, giảng viên của sinh viên.

- Phân công giảng viên xây dựng bài giảng, file trình chiếu theo giáo trình đã chọn, tổ chức kiểm tra và ký duyệt trước khi giảng viên lên lớp.

- Khoa chủ động thay thế giảng viên (nếu cần thiết) nhưng phải đảm bảo nguyên tắc giảng dạy tốt nhất.

- Khoa và giáo viên được phân công phải cung cấp kế hoạch bài giảng (theo mẫu) hoặc đề khoa quản lý, bài giảng, bài tập để sinh viên phô-tô làm tài liệu học tập và lưu trữ tại khoa.

- Đề xuất việc mua sắm để đảm bảo vật tư, phương tiện thiết bị ngay từ đầu các năm học.

- Lưu trữ các hồ sơ, tài liệu giảng dạy của giảng viên tại khoa.

- Xây dựng và công bố cho sinh viên ngay từ đầu khóa học danh mục đề án học phần, danh mục đề tài tốt nghiệp và các form mẫu.

10.2. Tổ chức và phương pháp dạy học

- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực lấy sinh viên làm trung tâm. Coi trọng chủ động trong học tập và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

- Áp dụng các phương pháp dạy - học phát huy được tích cực, sáng tạo của sinh viên, sinh viên thực hành các năng lực nghề nghiệp Luật.

- Tăng cường hiệu quả các buổi thực hành chi tiết, chú trọng hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên, tăng cường giảng dạy cụ thể, chi tiết chú trọng hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên, tăng cường tự thực hành.

- Sinh viên được biết trước lịch học, các bài tập tình huống, chủ đề thảo luận...

- Hướng dẫn sinh viên tìm đọc tài liệu dạy học.

- Tăng cường thảo luận nhóm.

10.3. Làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học tích lũy kiến thức tốt nghiệp

10.3.1 Làm khóa luận tốt nghiệp

Điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp: Theo quy định của Trường Đại học Việt Bắc.

- Sinh viên đã hoàn thành và đạt tất cả các học phần (trừ thực tập tốt nghiệp) tính thời điểm xét giao đề tài khóa luận tốt nghiệp.

- Sinh viên đạt điểm trung bình học tập (theo kết quả thi lần đầu từ 2.80 trở lên đến thời điểm xét giao đề tài khóa luận tốt nghiệp)

- Điểm rèn luyện: Sinh viên có điểm rèn luyện toàn khóa xếp loại Tốt trở lên.

- Sinh viên đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp đúng thời điểm quy định.

- Số lượng: Hàng năm Hiệu trưởng quyết định số lượng sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp tùy thuộc vào điều kiện hiện có về cán bộ hướng dẫn, cơ sở vật chất và thành tích học tập của sinh viên lấy từ cao nhất trở xuống, nhưng không vượt quá 15% tổng sinh viên toàn khóa.

- Chủ đề làm khóa luận tốt nghiệp: Sinh viên được chọn một trong các chủ đề do Khoa hướng dẫn.

- Sinh viên được chọn thầy hướng dẫn khóa luận.

- Mỗi giảng viên (đúng chuyên ngành) chỉ được hướng dẫn không quá 10 sinh viên làm khóa luận.

- Sinh viên có thể triển khai khóa luận trong thời gian thực tập tốt nghiệp.

- Sinh viên phải nộp khóa luận tốt nghiệp sau khi kết thúc thời gian làm khóa luận cuối khóa học.

- Khóa luận được tổ chức chấm trong thời gian 2 tuần kể từ khi kết thúc thời gian làm khóa luận.

- Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

- Chấm khóa luận tốt nghiệp theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của nhà trường.

10.3.2 Học và thi một số học phần (tích lũy kiến thức tốt nghiệp)

- Đối tượng: Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp.

- Sinh viên đăng ký học và thi một số học phần trong khối kiến thức các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp.

- Học và thi đạt yêu cầu các học phần với khối lượng tương đương với số tín chỉ làm khóa luận tốt nghiệp (8 tín chỉ)

Điểm các học phần này được tính vào điểm trung bình tích lũy của khóa học.

10.4. Các bộ phận chức năng khác

Phối hợp quản lý sinh viên, kiểm định chất lượng chương trình theo các tiêu chí của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, môi trường học tập, nề nếp để phục vụ giảng dạy tốt hơn.

10.5. Công nhận tốt nghiệp

- Những sinh viên tích lũy đủ 125 tín chỉ và có đủ điều kiện khác theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ được công nhận tốt nghiệp.

10.6. Điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình đào tạo

10.6.1 Đội ngũ giảng viên

- Giảng viên giảng dạy phải có đủ điều tiêu chuẩn giảng viên theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- Giảng dạy lý thuyết và thực hành do giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng thực hiện.

10.6.2. Cơ sở vật chất

- Cơ sở đào tạo phải đảm bảo cơ sở vật chất theo quy định và hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo như giảng đường, thư viện, phòng thực tập, thực hành, trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy tích cực, phòng máy tính có kết nối internet.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Nguyễn Đăng Bình